

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08/2016/QĐ-UBND

Tuy Hòa, ngày 01 tháng 4 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Ban hành Bảng hệ số điều chỉnh giá đất
trên địa bàn tỉnh Phú Yên năm 2016

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, quy định về giá đất; số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, quy định về thu tiền sử dụng đất; số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài chính số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014, về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014, về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;

Ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh (tại Công văn số 76/HĐND ngày 01/4/2016);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính (tại Tờ trình số 703/TTr-STC ngày 01/4/2016); ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp (tại Báo cáo số 22/BC-STP ngày 24/02/2016),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bảng hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên năm 2016.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15/4/2016. Bãi bỏ các Quyết định của UBND tỉnh số 08/2015/QĐ-UBND ngày 09/3/2015, quy định hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn tỉnh năm 2015; số 40/2015/QĐ-UBND ngày 02/10/2015, về bổ sung hệ số điều chỉnh giá đất ở nông thôn tại đường 24/3 xã Sơn Hà, huyện Sơn Hòa được áp dụng kể từ ngày 01/01/2016.

- Đối với các dự án đã được ký hợp đồng thuê đất nộp tiền hàng năm, thời gian còn lại của hợp đồng sẽ được ký hợp đồng điều chỉnh theo quyết định này.

- Giao trách nhiệm Sở Tài chính phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường,

Sở Xây dựng, Cục Thuế tỉnh và cơ quan liên quan hướng dẫn, kiểm tra và triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Chí Hiến

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

**BẢNG HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH
GIÁ ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ YÊN**

(Kèm theo Quyết định số 08/2016/QĐ-UBND ngày 01/4/2016 của UBND tỉnh)

Phần A

ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG VÀ PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH

I. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khi thực hiện các nội dung có liên quan đến việc xác định giá đất cụ thể bằng phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn tỉnh.

II. Phạm vi điều chỉnh

Bảng hệ số điều chỉnh giá đất làm căn cứ để xác định giá đất cụ thể bằng phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất, áp dụng đối với các trường hợp sau đây:

1. Tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân đối với phần diện tích đất ở vượt hạn mức; cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở sang đất ở đối với phần diện tích vượt hạn mức giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân. Tính tiền thuê đất đối với đất nông nghiệp vượt hạn mức giao đất, vượt hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân;

2. Tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất; công nhận quyền sử dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với tổ chức mà phải nộp tiền sử dụng đất;

3. Tính tiền thuê đất đối với trường hợp Nhà nước cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất;

4. Tính giá trị quyền sử dụng đất khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước mà doanh nghiệp cổ phần sử dụng đất thuộc trường hợp Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê; tính tiền thuê đất đối với trường hợp doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa được Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm;

5. Tổ chức kinh tế, tổ chức sự nghiệp công lập tự chủ tài chính, hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đang được Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm được chuyển sang thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê và phải xác định lại giá đất cụ thể để tính tiền thuê đất tại thời điểm có quyết định cho phép chuyển sang thuê đất theo hình thức trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê theo quy định;

6. Người mua tài sản được Nhà nước tiếp tục cho thuê đất trong thời hạn sử dụng đất còn lại theo giá đất cụ thể, sử dụng đất đúng mục đích đã được xác định trong dự án;

7. Đối với các trường hợp thuê đất thu tiền hàng năm mà phải xác định lại đơn giá thuê đất để điều chỉnh cho chu kỳ tiếp theo;

8. Giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm;

Đối với các trường hợp được quy định tại điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6 mục này được áp dụng đối với các thửa đất hoặc khu đất có dự án có giá trị dưới 20 tỷ đồng (tính theo giá đất trong bảng giá đất).

Phần B

XÁC ĐỊNH ĐÔ THỊ, ĐƯỜNG PHỐ, VỊ TRÍ ĐẤT

I. Xác định đô thị, đường phố, vị trí đất phi nông nghiệp tại đô thị

1. Xác định đô thị

- Thành phố Tuy Hòa: Đô thị loại II.
- Thị xã Sông Cầu: Đô thị loại IV.
- Các thị trấn: Chí Thạnh, Phú Hòa, Hòa Vinh, Hòa Hiệp Trung, Phú Thứ, Hai Riêng, Củng Sơn, La Hai: Đô thị loại V.

2. Xác định đường phố, vị trí đất ở trong đô thị

Mỗi đoạn, đường phố trong đô thị phân 4 vị trí đất được xác định theo tiêu thức:

- Vị trí 1: Áp dụng đối với đất liền cạnh đường phố (mặt tiền) có mức sinh lợi cao nhất, có điều kiện kết cấu hạ tầng thuận lợi nhất.
- Vị trí 2: Áp dụng đối với đất không liền cạnh đường phố (ngõ, hẻm) có chiều rộng của đường từ 6m trở lên có trải nhựa, bê tông xi măng hoặc đường đất.
- Vị trí 3: Áp dụng đối với đất không liền cạnh đường phố (Ngõ, hẻm) có chiều rộng của đường từ 2m đến dưới 6m có trải nhựa, bê tông xi măng hoặc đường đất.
- Vị trí 4: Áp dụng đối với đất ngõ, hẻm của các ngõ, hẻm thuộc vị trí 2 và 3 nêu trên và các vị trí còn lại trong đô thị có trải nhựa, bê tông xi măng hoặc đường đất.

II. Xác định vùng đất, vị trí đất phi nông nghiệp tại nông thôn

1. Xác định vùng đất: 02 vùng (đồng bằng và miền núi).

2. Xác định vị trí đất ở tại nông thôn

Mỗi xã phân theo 2 khu vực và 4 vị trí đất như sau:

a) Khu vực:

- Khu vực 1: Đất thuộc trung tâm xã, khu thương mại, khu du lịch, khu công nghiệp, khu ven trung tâm đô thị có giá đất thị trường trung bình cao nhất.
- Khu vực 2: Đất thuộc khu vực còn lại trên địa bàn xã (ngoài khu vực 1) có giá đất thị trường trung bình thấp nhất.

b) Vị trí:

- Vị trí 1: Đất có mặt tiền tiếp giáp với trục đường giao thông chính (Quốc lộ, tỉnh lộ), đường liên xã, đường liên thôn có mức giá thực tế cao nhất trong khu vực.
- Vị trí 2: Đất tiếp giáp các đường rộng từ 4m trở lên (không thuộc vị trí 1 nêu trên) có trải nhựa, bê tông xi măng hoặc đường đất.
- Vị trí 3: Đất tiếp giáp các đường rộng từ 2m đến dưới 4m (không thuộc vị trí 1 nêu trên) có trải nhựa, bê tông xi măng hoặc đường đất.
- Vị trí 4: Đất tiếp giáp các đường rộng dưới 2m và các vị trí thuộc hẻm của các vị trí 2 và 3 nêu trên (không thuộc vị trí 1) có trải nhựa, bê tông xi măng hoặc đường đất.

III. Xác định vùng đất, vị trí đất nông nghiệp

1. Xác định vị trí đất trồng lúa nước, trồng cây hàng năm còn lại, đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ và đất nông nghiệp khác (gồm đất sử dụng để xây dựng nhà kính và các loại nhà khác phục vụ mục đích trồng trọt, kể cả các hình thức trồng trọt không trực tiếp trên đất; xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm và các loại động vật khác được pháp luật cho phép; đất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản cho mục đích học tập, nghiên cứu thí nghiệm; đất ươm tạo cây giống, con giống và đất trồng hoa, cây cảnh):

a) 2 yếu tố về khoảng cách qui định như sau:

- Đất có khoảng cách so với trung tâm nơi cư trú của cộng đồng người sử dụng đất (thôn, buôn, xóm, bản nơi có đất) hoặc khu dân cư, điểm dân cư tập trung, đến thị trường tiêu thụ tập trung sản phẩm trong phạm vi bán kính 1.000m.

- Đất có khoảng cách so với đường giao thông (giao thông đường bộ bao gồm quốc lộ, tỉnh lộ; đường liên huyện, liên xã; giao thông đường thủy bao gồm: sông, ngòi, kênh) trong phạm vi bán kính 1.000m.

b) Mỗi xã, phường, thị trấn được xác định 4 vị trí đất nông nghiệp như sau:

- Vị trí 1: Áp dụng đối với thửa đất có 1 trong 2 yếu tố về khoảng cách nói trên, đồng thời tưới, tiêu chủ động nước hoàn toàn.

- Vị trí 2: Áp dụng đối với thửa đất có 1 trong 2 yếu tố về khoảng cách nói trên nhưng không tưới, tiêu chủ động nước hoàn toàn hoặc các thửa đất tưới, tiêu chủ động nước hoàn toàn nhưng không có 1 trong 2 yếu tố về khoảng cách.

- Vị trí 3: Áp dụng đối với thửa đất không thuộc quy định vị trí 1, vị trí 2 nêu trên và không phải đất cần cỗi, sỏi đá, bạc màu.

- Vị trí 4: Áp dụng đối với đất cần cỗi, sỏi đá, bạc màu. Trường hợp các thửa đất có các yếu tố như ở vị trí 1, vị trí 2 nhưng đất cần cỗi, sỏi đá, bạc màu thì xác định là vị trí 4.

2. Xác định vị trí đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối

- Vị trí 1: Áp dụng đối với thửa đất có khoảng cách từ nơi sản xuất đến thị trường tiêu thụ tập trung sản phẩm hoặc đến đường giao thông (giao thông đường bộ bao gồm Quốc lộ, tỉnh lộ, đường liên huyện, liên xã; giao thông đường thủy bao gồm: sông, ngòi, kênh) trong phạm vi bán kính 500m.

- Vị trí 2: Áp dụng đối với các thửa đất còn lại.

Phần C

XÁC ĐỊNH HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT CÁC LOẠI ĐẤT MÀ CHÍNH PHỦ CÓ QUI ĐỊNH KHUNG GIÁ ĐẤT

I. Đối với nhóm đất phi nông nghiệp

1. Bảng hệ số điều chỉnh giá đất ở tại đô thị (*Chi tiết kèm theo Phụ lục 1*);
2. Bảng hệ số điều chỉnh giá đất ở tại nông thôn (*Chi tiết kèm theo Phụ lục 2*);
3. Đối với loại đất thương mại, dịch vụ; loại đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ: hệ số điều chỉnh giá đất được xác định bằng 1,0.

II. Đối với nhóm đất nông nghiệp

1. Bảng hệ số điều chỉnh giá đất trồng cây hàng năm gồm:

1.1. Bảng hệ số điều chỉnh giá đất trồng lúa nước 2 vụ: (*Chi tiết kèm theo Phụ lục 3*).

1.2. Bảng hệ số điều chỉnh giá đất trồng cây hàng năm (trừ đất trồng lúa nước 2 vụ): *(Chi tiết kèm theo Phụ lục 4).*

2.2. Bảng hệ số điều chỉnh giá đất trồng cây lâu năm: *(Chi tiết kèm theo Phụ lục 5).*

2.3. Bảng hệ số điều chỉnh giá đất rừng sản xuất: *(Chi tiết kèm theo Phụ lục 6).*

2.4. Bảng hệ số điều chỉnh giá đất nuôi trồng thủy sản: *(Chi tiết kèm theo Phụ lục 7).*

1.5. Bảng hệ số điều chỉnh giá đất làm muối: *(Chi tiết kèm theo Phụ lục 8).*

III. Đối với đất các đảo:

Bảng hệ số điều chỉnh giá đất các đảo: *(Chi tiết kèm theo Phụ lục 9).*

Phần D

**XÁC ĐỊNH HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT CÁC LOẠI ĐẤT
MÀ CHÍNH PHỦ KHÔNG QUI ĐỊNH KHUNG GIÁ ĐẤT**

Đối với các loại đất mà Chính phủ không qui định khung giá đất thì hệ số điều chỉnh giá đất được xác định bằng 1,0.

Các quy định khác không có trong Bảng hệ số điều chỉnh giá đất này được thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Chí Hiên

UBND TỈNH PHÚ YÊN

Phụ lục 1

HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ

(Kèm theo Quyết định số 08/2016/QĐ-UBND ngày 01/4/2016 của UBND tỉnh)

ST T	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT 3	VT 4
I.	Thành phố Tuy Hòa				
A	Các Phường 1, 2, 3,4, 5, 6, 7, 8, 9				
1	Đường Độc Lập				
-	Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Nguyễn Hữu Thọ	1,4	1,4	1,4	1,4
-	Đoạn còn lại	1,4	1,4	1,4	1,4
2	Đường Lê Duẩn				
-	Đoạn từ đường Bạch Đằng đến đường Trần Phú	1,4	1,4	1,4	1,4
-	Đoạn từ đường Trần Phú đến đường Nguyễn Hữu Thọ	1,4	1,4	1,4	1,4
-	Đoạn từ đường Nguyễn Hữu Thọ đến ranh giới Phường 9 và xã Bình Kiến	1,4	1,4	1,4	1,4
3	Đường Nguyễn Đình Chiểu	1,4	1,4	1,4	1,4
4	Đường Huyền Trân Công Chúa	1,4	1,4	1,4	1,4
5	Đường Nguyễn Chí Thanh	1,4	1,4	1,4	1,4
6	Đường Trường Chinh				
-	Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Lý Thái Tổ	1,4	1,4	1,4	1,4
-	Đoạn từ đường Lý Thường Kiệt đến đường Nguyễn Huệ	1,4	1,4	1,4	1,4
-	Đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến đường Phù Đổng (công ký túc xá Trường Cao đẳng nghề)	1,4	1,4	1,4	1,4
-	Đoạn từ đường Trần Hào đến đường An Dương Vương	1,4			
7	Đường Bà Triệu				
-	Đoạn từ đường Lý Thường Kiệt đến đường Nguyễn Huệ	1,4	1,4	1,4	1,4
-	Đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến đường Trần Phú	1,4	1,4	1,4	1,4
8	Đại Lộ Hùng Vương				
-	Đoạn từ đường Bạch Đằng đến đường Nguyễn Công Trứ	1,4	1,4	1,4	1,4
-	Đoạn từ đường Nguyễn Công Trứ đến đường Trần Hưng Đạo	1,4			
-	Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường	1,4	1,4	1,4	1,4

ST T	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT 3	VT 4
	Nguyễn Huệ				
-	Đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến đường Trần Phú	1,4	1,4	1,4	1,4
-	Đoạn từ đường Trần Phú đến đường Nguyễn Hữu Thọ	1,4	1,4	1,4	1,4
-	Đoạn từ đường Nguyễn Hữu Thọ đến đường Lê Đài	1,4	1,4	1,4	1,4
9	Đường Trần Nhật Duật: Đoạn từ đường Lý Thái Tổ đến đường Nguyễn Công Trứ	1,4	1,4	1,4	1,4
10	Đường Hai Bà Trưng: Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường nội bộ Khu dân cư Rạch Bàu Hạ	1,4	1,4	1,4	1,4
11	Đường Trần Mai Ninh: Đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến nhà số 109/2 Chu Văn An	1,4	1,4	1,4	1,4
12	Đường Lê Quý Đôn	1,4	1,4	1,4	1,4
13	Đường Chu Văn An	1,4	1,4	1,4	1,4
-	Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường nội bộ 6m	1,4	1,4	1,4	1,4
-	Đoạn từ đường nội bộ 6m đến giáp sân vận động	1,4	1,4	1,4	1,4
14	Đường Trần Cao Vân: Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Lê Lợi	1,4	1,4	1,4	1,4
15	Đường Duy Tân				
-	Đoạn từ đường Bạch Đằng đến đường Trần Hưng Đạo	1,4	1,4	1,4	1,4
-	Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Nguyễn Huệ	1,4	1,4	1,4	1,4
-	Đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến đường Điện Biên Phủ	1,4	1,4	1,4	1,4
16	Đường Lương Văn Chánh				
-	Đoạn từ phía Nam Trung tâm vòng tay âm Thành phố đến đường Trần Hưng Đạo	1,4	1,4	1,4	1,4
-	Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Nguyễn Huệ	1,4	1,4	1,4	1,4
-	Đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến đường Điện Biên Phủ (tên trong Bảng giá đất năm 2014: Đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến đường nội bộ rộng 6m)	1,4	1,4		
17	Đường Phạm Hồng Thái	1,4	1,4	1,4	1,4
18	Đường Ngô Quyền				
-	Đoạn từ phía Nam nhà số 01 Ngô Quyền đến đường Trần Hưng Đạo	1,4	1,4	1,4	1,4
-	Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Lê Lợi	1,4	1,4	1,4	1,4

ST T	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT 3	VT 4
-	Đoạn từ đường Lê Lợi đến đường Nguyễn Huệ	1,4	1,4	1,4	1,4
19	Đường Nguyễn Trãi				
-	Đoạn từ đường Bạch Đằng đến đường Nguyễn Công Trứ	1,4	1,4	1,4	1,4
-	Đoạn từ đường Nguyễn Công Trứ đến đường Trần Hưng Đạo	1,4	1,4	1,4	1,4
-	Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Lê Lợi	1,4	1,4	1,4	1,4
-	Đoạn từ đường Lê Lợi đến đường Nguyễn Huệ	1,4	1,4	1,4	1,4
20	Đường Trần Bình Trọng: Đoạn từ đường Lê Lợi đến đường Nguyễn Công Trứ	1,4	1,4	1,4	1,4
21	Đường Trần Quý Cáp				
-	Đoạn từ đường Bạch Đằng đến đường Nguyễn Công Trứ	1,4	1,4	1,4	1,4
-	Đoạn từ đường Nguyễn Công Trứ đến đường Lê Lợi	1,4	1,4	1,4	1,4
22	Đường Nguyễn Thái Học				
-	Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Nguyễn Huệ	1,4	1,4	1,4	1,4
-	Đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến đường Trần Phú	1,4	1,4	1,4	1,4
23	Đường Chu Mạnh Trinh	1,4	1,4	1,4	1,4
24	Đường Huỳnh Thúc Kháng	1,4	1,4	1,4	1,4
25	Đường Yersin	1,4	1,4	1,4	1,4
26	Đường Phan Đình Phùng				
-	Đoạn từ đường Bạch Đằng đến hẻm số 6	1,4	1,4	1,4	1,4
-	Đoạn từ hẻm số 6 đến đường Tân Đà	1,4	1,4	1,4	1,4
-	Đoạn từ đường Tân Đà đến đường Nguyễn Huệ	1,4	1,4	1,4	1,4
27	Đường Lê Thành Phương				
-	Đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến đường Trần Phú	1,4	1,4	1,4	1,4
-	Đoạn từ đường Trần Phú đến đại lộ Nguyễn Tất Thành	1,4	1,4	1,4	1,4
28	Đường Phan Bội Châu	1,4	1,4	1,4	1,4
29	Đường Cao Thắng	1,4	1,4	1,4	1,4
30	Đường Lê Trung Kiên				
-	Đoạn từ đại lộ Nguyễn Tất Thành đến đường Tân Đà	1,4	1,4	1,4	1,4
-	Đoạn từ đường Tân Đà đến đường Trần Phú	1,4	1,4	1,4	1,4
31	Đại Lộ Nguyễn Tất Thành				
-	Đoạn từ bắc cầu sông Chùa đến đường Trần Hưng Đạo	1,4	1,4	1,4	1,4

ST T	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT 3	VT 4
-	Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến ranh giới Phường 8 và Phường 9	1,4	1,4	1,4	1,4
-	Đoạn từ ranh giới Phường 8 và Phường 9 đến ranh giới Phường 9 và xã Bình Kiến	1,3	1,3	1,3	1,3
-	Đoạn đường phía Tây từ đường Trần Phú đến hết Cửa hàng bia đối chứng 2 của Nhà máy bia Sài Gòn	1,4			
32	Đường Nguyễn Trung Trực				
-	Đoạn từ đường Trần Phú đến đường Nguyễn Bình Khiêm	1,4	1,4	1,4	1,4
-	Đoạn còn lại	1,4	1,4	1,4	1,4
33	Đất có mặt tiền tiếp giáp bên xe nội thành	1,4			
34	Khu vực cảng cá Phường 6	1,4	1,4	1,4	1,4
35	Đường Bạch Đằng				
-	Đoạn từ Cảng cá Phường 6 đến đường Lê Duẩn	1,4	1,4	1,4	1,4
-	Đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Phan Đình Phùng	1,4	1,4	1,4	1,4
-	Đoạn từ đường Phan Đình Phùng đến đại lộ Nguyễn Tất Thành	1,4	1,4	1,4	1,4
36	Đường Nguyễn Công Trứ				
-	Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đại lộ Hùng Vương	1,4	1,4	1,4	1,4
-	Đoạn từ đại lộ Hùng Vương đến đường Nguyễn Trãi	1,4	1,4	1,4	1,4
-	Đoạn từ đường Nguyễn Trãi đến đường Trần Hưng Đạo	1,4	1,4	1,4	1,4
37	Đường Tấn Đà	1,4	1,4	1,4	1,4
38	Đường Trần Hưng Đạo				
-	Đoạn từ đường Độc Lập đến đường Lê Duẩn	1,4	1,4	1,4	1,4
-	Đoạn từ đường Lê Duẩn đến đại lộ Hùng Vương	1,5	1,5	1,4	1,4
-	Đoạn từ đại lộ Hùng Vương đến đường Duy Tân	1,5	1,5	1,4	1,4
-	Đoạn từ đường Duy Tân đến đường Phan Đình Phùng	1,5	1,5	1,4	1,4
-	Đoạn từ đường Phan Đình Phùng đến đại lộ Nguyễn Tất Thành	1,5	1,5	1,4	1,4
39	Đường Nguyễn Trường Tộ	1,4	1,4	1,4	1,4
40	Đường Lý Thái Tổ	1,4	1,4	1,4	1,4
41	Đường Lý Thường Kiệt				
-	Đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Trường Chinh	1,4	1,4	1,4	1,4
-	Đoạn từ đường Trường Chinh đến đại lộ Hùng Vương	1,4	1,4	1,4	1,4
-	Đoạn từ đường Duy Tân đến đường Lương Văn Chánh	1,4	1,4	1,4	1,4

ST T	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT 3	VT 4
42	Đường Hồ Xuân Hương	1,4	1,4	1,4	1,4
43	Đường Hoàng Diệu	1,4	1,4	1,4	1,4
44	Đường Lê Thánh Tôn	1,4	1,4	1,4	1,4
45	Đường Thành Thái: Đoạn từ đường Duy Tân đến đường Lương Văn Chánh	1,4	1,4	1,4	
46	Đường Lê Lai	1,4			
47	Đường Lê Lợi				
-	Đoạn từ đại lộ Hùng Vương đến đường Phan Đình Phùng (chia lại thành 2 đoạn)	1,4	1,4	1,4	1,4
-	Đoạn từ đường Phan Đình Phùng đến đại lộ Nguyễn Tất Thành	1,4	1,4	1,4	1,4
48	Đường Nguyễn Du	1,4	1,4	1,4	1,4
49	Đường Nguyễn Huệ				
-	Đoạn từ đường Độc Lập đến đường Trường Chinh	1,5	1,5	1,4	1,4
-	Đoạn từ đường Trường Chinh đến đường Lê Trung Kiên	1,5	1,5	1,4	1,4
50	Đường Điện Biên Phủ	1,4	1,4	1,4	1,4
51	Đường Hàm Nghi: Đoạn từ đường nội bộ phía Đông công viên Nguyễn Huệ đến đường Lê Trung Kiên	1,4	1,4	1,4	1,4
52	Đường Cần Vương: Đoạn từ đường Lê Thành Phương đến Nguyễn Thái Học	1,4			
53	Đường Lương Tấn Thịnh (toàn tuyến)	1,4	1,4	1,4	1,4
54	Đường Nguyễn Văn Cừ (toàn tuyến)	1,4	1,4	1,4	1,4
55	Đường Đồng Khởi	1,4	1,4	1,4	1,4
56	Đường Phan Lưu Thanh	1,4	1,4	1,4	1,4
57	Đường Nguyễn Thị Minh Khai				
-	Đoạn từ đường Độc Lập đến đường Trường Chinh	1,4	1,4	1,4	1,4
-	Đoạn từ đường Trường Chinh đến đường Hùng Vương	1,4	1,4	1,4	1,4
58	Đường Lý Tự Trọng	1,4	1,4	1,4	1,4
59	Đường Lê Hồng Phong				
-	Đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Trường Chinh	1,4	1,4	1,4	1,4
-	Đoạn từ đường Trường Chinh đến đại lộ Hùng Vương	1,4	1,4	1,4	1,4
60	Đường Mai Xuân Thưởng	1,4	1,4	1,4	1,4
61	Đường Trần Phú				
-	Đoạn từ đường Độc Lập đến đại lộ Nguyễn Tất Thành	1,4	1,4	1,4	1,4
-	Đoạn từ đại lộ Nguyễn Tất Thành đến đường vành đai thành phố	1,4	1,4	1,4	1,4
62	Đường Hoàng Văn Thụ: Đoạn từ đường Hùng Vương đến tuyến đường bao phía Tây	1,4	1,4	1,4	1,4

ST T	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT 3	VT 4
	khu dân cư Hưng Phú				
63	Tuyến đường bao phía Tây khu dân cư Hưng Phú	1,4	1,4	1,4	1,4
64	Đường Phù Đổng	1,4			
65	Đường Trương Định (toàn tuyến)	1,4			
66	Đường Tây Sơn (toàn tuyến)	1,4			
67	Đường Lương Thế Vinh (toàn tuyến)	1,4			
68	Đường vào Công ty cổ phần An Hưng	1,4			
69	Đường Nguyễn Bình Khiêm	1,4	1,4	1,4	1,4
70	Đường số 11 (toàn tuyến)	1,4	1,4	1,4	1,4
71	Các trục đường thuộc khu dân cư Rạch Bàu Hạ				
-	Trục đường rộng 10m-dưới 16m	1,4			
-	Trục đường rộng 6m-dưới 10m	1,4			
72	Các trục đường thuộc khu dân cư Nguyễn Thái Học	1,4			
-	Trục đường rộng 10m	1,4			
-	Trục đường rộng 6m	1,4			
73	Các trục đường thuộc khu dân cư số 2 dọc đường Trần Phú				
-	Trục đường rộng 22,6m	1,4			
-	Các trục đường rộng 12m	1,4			
-	Các trục đường rộng 8m và rộng 9m	1,4			
-	Trục đường rộng 6m	1,4			
74	Các trục đường thuộc khu dân cư Nghị Trần				
-	Trục đường rộng 16m	1,4			
-	Trục đường rộng 10m	1,4			
-	Trục đường rộng 6m-dưới 10m	1,4			
75	Các trục đường thuộc khu dân cư Cây Muồng				
-	Trục đường rộng 12m	1,4			
-	Trục đường rộng từ 6m-dưới 10m	1,4			
76	Các trục đường thuộc khu dân cư Hưng Phú				
-	Trục đường rộng 16m	1,4			
-	Trục đường rộng 10m-13,5m	1,4			
77	Xã lộ 20				
-	Đoạn từ khu Khoáng sản 5 đến cuối dốc Cây Xanh	1,3	1,3	1,3	1,3
-	Đoạn từ cuối dốc Cây Xanh đến giáp xã Hòa Kiến	1,3	1,3	1,3	1,3
78	Đường Mậu Thân				
-	Đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến Cầu Chùa Hồ Sơn	1,3	1,3	1,3	1,3

ST T	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT 3	VT 4
-	Đoạn từ cầu chùa Hồ Sơn đến ngã năm đường đi Phường 8, Ninh Tịnh	1,3	1,3	1,3	1,3
-	Đoạn từ ngã năm đường đi Phường 8, Ninh Tịnh đến giáp xã Bình Kiên	1,3	1,3	1,3	1,3
79	Đường Nguyễn Hữu Thọ				
-	Đoạn từ đường Độc Lập đến tuyến đường bao phía Tây Bệnh viện	1,3	1,3	1,3	1,3
-	Đoạn từ tuyến đường bao phía Tây Bệnh viện đến đại lộ Nguyễn Tất Thành	1,3	1,3	1,3	1,3
80	Đường Tân Trào	1,3			
81	Đường Hà Huy Tập	1,3			
82	Đường Nguyễn Hào Sứ: Đoạn từ số nhà G-L13-30 đến đường An Dương Vương	1,3			
83	Đường Phạm Ngọc Thạch				
-	Đoạn từ đường Tố Hữu đến đường Nguyễn Hữu Thọ	1,3			
-	Đoạn còn lại	1,3			
84	Đường Nguyễn Thế Bảo (đường quy hoạch 16m): Đoạn từ đường Phan Đăng Lưu đến đường Tố Hữu	1,3			
85	Đường Trần Suyền (đường quy hoạch 20m)	1,3			
86	Đường Tố Hữu: Đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Trần Suyền	1,3	1,3	1,3	1,3
87	Đường Nguyễn Đức Cảnh: Đoạn từ đường Hùng Vương đến đường quy hoạch 16m Phía tây Khu dân cư Bộ đội Biên phòng	1,3	1,3	1,3	1,3
88	Đường Phan Đăng Lưu	1,3	1,3	1,3	1,3
89	Đường rộng từ 6m-dưới 10m thuộc Khu dân cư Ninh Tịnh 1, 2, Bộ đội Biên phòng	1,3			
90	Đường An Dương Vương				
-	Đoạn từ đường Trường Chinh đến đại lộ Hùng Vương	1,3			
-	Đoạn từ đại lộ Hùng Vương đến đường quy hoạch phía Tây rộng 16m	1,3			
91	Đường Văn Cao: Đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Phạm Ngọc Thạch	1,3	1,3	1,3	1,3
92	Đường Trần Hào	1,3			
93	Đường Lê Đài	1,3			
94	Đường rộng 20m thuộc KDC công ty CPXD Phú Yên				

ST T	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT 3	VT 4
-	Đoạn từ đường Trường Chinh đến đường Chí Linh	1,3			
-	Đoạn từ đường Chi Lăng đến đường Nguyễn Văn Huyền	1,3			
95	Đường Nguyễn Văn Huyền: Đoạn từ đường Trần Hào đến đường An Dương Vương	1,3			
96	Đường Chí Linh: Đoạn từ đường Trần Hào đến đường An Dương Vương	1,3			
97	Đường Chi Lăng: Đoạn từ đường Trần Hào đến đường An Dương Vương	1,3			
98	Đường Nguyễn Mỹ: Đoạn từ đường Chí Linh đến đường Chi Lăng	1,3			
99	Đường Lưu Văn Liêu: Đoạn từ đường Chí Linh đến đường Chi Lăng	1,3			
100	Đường Nguyễn Hoa: Đoạn từ đường Chí Linh đến đường Chi Lăng	1,3			
101	Đường Trần Rịa: Đoạn từ đường Chí Linh đến đường Chi Lăng	1,3			
102	Trục đường rộng 13,5m thuộc khu dân cư FBS	1,3			
103	Các trục đường thuộc khu tái định cư Phường 9				
-	Trục đường rộng 20m	1,3			
-	Trục đường rộng 16m	1,3			
-	Trục đường rộng 13m	1,3			
-	Trục đường rộng 10m	1,3			
104	Đường phía Tây Bệnh viện tỉnh	1,3	1,3	1,3	1,3
105	Đường quy hoạch số 1 thuộc Khu dân cư phía đông: Đoạn từ đường Mai Xuân Thưởng đến đường Trần Phú	1,4			
106	Đường Trần Quốc Toản: Đoạn từ đường Nguyễn Huệ-hẻm số 17 Lê Lợi	1,4	1,4	1,4	1,4
B	Khu vực phường Phú Lâm, phường Phú Thạnh, phường Phú Đông				
1	Đường Đinh Tiên Hoàng				
-	Đoạn từ đường Ngô Gia Tự đến ngã ba đôn Biên phòng cũ	1,3	1,3	1,3	1,3
-	Đoạn từ ngã ba đôn Biên phòng cũ đến công Nhà máy đóng tàu	1,3	1,3	1,3	1,3
2	Đường Nguyễn Hồng Sơn: Đoạn từ đường Ngô Gia Tự đến đường Võ Thị Sáu	1,3	1,3	1,3	1,3
3	Đường Bùi Thị Xuân: Đoạn từ đường Ngô Gia	1,3	1,3	1,3	1,3

ST T	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT 3	VT 4
	Tự đến đường Võ Thị Sáu				
4	Đường Phan Chu Trinh: Đoạn từ đường Ngô Gia Tự đến đường Võ Thị Sáu	1,3	1,3	1,3	1,3
5	Đường Kim Đồng: Đoạn từ đường Ngô Gia Tự đến bề tường phía Tây nghĩa trang liệt sĩ	1,3	1,3	1,3	1,3
6	Đường 27 tháng 7	1,3	1,3	1,3	1,3
7	Đường Phạm Đình Quy: Đoạn từ đường Ngô Gia Tự đến đường Võ Thị Sáu	1,3	1,3	1,3	1,3
8	Đường Thăng Long				
-	Đoạn từ đường 3 tháng 2 đến đường Trần Kiệt	1,3	1,3	1,3	1,3
-	Đoạn từ đường Trần Kiệt đến điểm giao đường sắt và đường 3 tháng 2	1,3	1,3	1,3	1,3
-	Đoạn từ giáp đường sắt và đường 3 tháng 2 đến giáp xã Hòa Hiệp Bắc, huyện Đông Hòa	1,3	1,3	1,3	1,3
9	Đường 3 tháng 2				
-	Đoạn từ đường Ngô Gia Tự đến đường Thăng Long	1,3	1,3	1,3	1,3
-	Đoạn từ đường Thăng Long đến Hẻm phía Nam Trường mầm non Phường Phú Thạnh	1,3	1,3	1,3	1,3
-	Đoạn từ hẻm phía Nam trường mầm non Phường Phú Thạnh đến đường sắt	1,3	1,3	1,3	1,3
10	Đường Lạc Long Quân: Đoạn từ đại lộ Nguyễn Tất Thành đến đường Nguyễn Văn Linh	1,3	1,3	1,3	1,3
11	Đường Nguyễn Thị Định (toàn tuyến)	1,3	1,3	1,3	1,3
12	Đường Phạm Văn Đồng: Đoạn từ đường Nguyễn Thị Định đến đường Lạc Long Quân	1,3	1,3	1,3	1,3
13	Đường Nguyễn Văn Linh	1,3	1,3	1,3	1,3
14	Đường Đoàn Thị Điểm: Đoạn từ đường Nguyễn Văn Linh đến đường Chiến Thắng	1,3	1,3	1,3	1,3
15	Đường Đống Đa: Đoạn từ đường Trần Rén đến giáp cầu sắt Hòa Thành	1,3	1,3	1,3	1,3
16	Đường Trần Rén (toàn tuyến)	1,3	1,3	1,3	1,3
17	Đường Nguyễn Anh Hào				
-	Đoạn từ đường Đoàn Thị Điểm đến đường Nguyễn Văn Linh	1,3	1,3	1,3	1,3
-	Đoạn từ đường Nguyễn Văn Linh-xã giáp Hòa Thành	1,3	1,3	1,3	1,3
18	Đường Chiến Thắng				
-	Đoạn từ giáp xã Hòa Thành, Đông Hòa đến đường Nguyễn Văn Linh	1,3	1,3	1,3	1,3
-	Đoạn từ đường Nguyễn Văn Linh đến hết Khu	1,3	1,3	1,3	1,3

ST T	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT 3	VT 4
	dân cư chợ Phú Lâm				
19	Đường Trần Kiệt	1,3	1,3	1,3	1,3
20	Đường Võ Thị Sáu: Đoạn từ đường Thăng Long đến đường Nguyễn Hồng Sơn	1,3	1,3	1,3	1,3
21	Yết Kiêu				
-	Đoạn từ đường Ngô Gia Tự đến Đại lộ Hùng Vương	1,3	1,3	1,3	1,3
-	Đoạn Đại lộ Hùng Vương đến đường Đinh Tiên Hoàng	1,3	1,3	1,3	1,3
22	Đường Ngô Gia Tự: Đoạn từ đường Đinh Tiên Hoàng đến Nguyễn Tất Thành	1,3	1,3	1,3	1,3
23	Quốc lộ 1A: Đoạn từ ranh giới huyện Đông Hòa đến đại lộ Nguyễn Tất Thành (nút giao thông QL1A)	1,3			
24	Các trục đường thuộc Khu tái định cư phường Phú Đông				
-	Đường rộng trên 25m	1,3			
-	Đường rộng 20m-25m	1,3			
-	Đường rộng 16m-dưới 20m	1,3			
-	Trục đường rộng 12m-dưới 16m	1,3			
25	Các trục đường thuộc khu nhà ở cho cán bộ LLVT thuộc Bộ CHQS tỉnh				
-	Đường rộng 16m	1,3			
-	Đường rộng 12m	1,3			
-	Đường rộng 10m (năm 2014 là đường rộng 9m, 8m)	1,3			
26	Đường Hùng Vương: Đoạn qua địa bàn phường Phú Đông	1,3			
27	Khu khép kín KDC khu phố 4, phường Phú Thạnh	1,3			
28	Đại lộ Nguyễn Tất Thành (đoạn từ nút giao thông Quốc lộ 1A-Nam cầu Đà Rằng)	1,3			
29	Đường dọc biển từ Đại lộ Hùng Vương đến giáp xã Hòa Hiệp Bắc (dự kiến đặt tên đường Võ Nguyên Giáp)	1,3			
30	Khu đất nhà ở cho chiến sỹ lực lượng vũ trang Công an tỉnh tại phường Phú Thạnh, thành phố Tuy Hòa				
-	Các trục đường quy hoạch rộng 25m	1,3			
-	Các trục đường quy hoạch rộng 16m	1,3			
-	Các trục đường quy hoạch rộng 7m	1,3			

ST T	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT 3	VT 4
31	Khu đất nhà ở cán bộ lực lượng vũ trang thuộc Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh tại phường Phú Đông, thành phố Tuy Hòa				
	- Các trục đường quy hoạch rộng 12m	1,3			
	- Các trục đường quy hoạch rộng 10m	1,3			
II	Thị xã Sông Cầu				
1	Quốc lộ 1A				
1.1	Đoạn từ giáp ranh xã Xuân Phương đến giáp đường vào bãi rác thị xã Sông Cầu	1,3	1,3	1,0	1,0
1.2	Đường vào bãi rác thị xã Sông Cầu đến giáp tuyến tránh Quốc lộ 1A (phía Bắc)	1,4	1,3	1,2	1,0
1.3	Đoạn từ Nam tuyến tránh Quốc lộ 1A đến giáp Bắc cầu Huyện	1,1	1,1	1,0	1,0
1.4	Đoạn từ Nam cầu Huyện đến giáp Bắc chân dốc Quýt	1,2	1,1	1,1	1,0
1.5	Đoạn từ phía Bắc chân dốc Quýt đến giáp phía Nam chân dốc Quýt	1,2	1,1	1,1	1,0
1.6	Đoạn từ Nam chân dốc Quýt đến giáp Nam chân đèo Gành Đổ	1,2	1,1	1,1	1,0
1.7	Đoạn từ phía Nam chân đèo Gành Đổ đến giáp công đường vào khu phố Bình Thạnh (trừ khu dân cư An Bình Thạnh đã đầu tư hạ tầng kỹ thuật)	1,2	1,2	1,1	1,0
1.8	Đoạn từ công khu phố Bình Thạnh đến giáp ranh huyện Tuy An	1,1	1,0	1,0	1,0
2	Đường tuyến tránh QL 1A				
-	Đoạn từ đầu tuyến tránh (phía Bắc) đến giáp chùa Long Quang	1,3	1,2	1,2	1,0
-	Đoạn từ chùa Long Quang đến giáp ngã ba tuyến tránh Quốc lộ 1A (phía Nam)	1,2	1,0	1,0	1,0
3	Đường Phạm Văn Đồng				
3.1	Đoạn từ giáp tuyến tránh Quốc lộ 1A đến phía Bắc cầu Tam Giang cũ	1,3	1,3	1,3	1,1
3.2	Đoạn từ Nam cầu Tam Giang đến Bắc cầu vượt	1,3	1,1	1,1	1,0
3.3	Đoạn từ Nam cầu vượt đến đỉnh dốc Găng (giáp đường bê tông lên Cao Phong)	1,2	1,1	1,1	1,0
3.4	Đoạn từ đỉnh dốc Găng (giáp đường bê tông lên Cao Phong) đến giáp Nam tuyến tránh Quốc lộ 1A	1,1	1,0	1,0	1,0
4	Đường Hùng Vương	1,3	1,3	1,3	1,2
5	Đường 01 tháng 4	1,3	1,3	1,3	1,2
6	Đường ĐT644 (đường 01 tháng 4-đoạn từ giáp	1,3	1,3	1,3	1,2

ST T	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT 3	VT 4
	tuyến tránh Quốc lộ 1A đến giáp ranh xã Xuân Lâm)				
7	Đường Trần Hưng Đạo	1,3	1,3	1,3	1,2
8	Đường Lê Lợi				
8.1	Đoạn từ giáp đường Phạm Văn Đồng đến giáp dự án khu A & B	1,3	1,3	1,3	1,2
8.2	Đoạn còn lại	1,3	1,3	1,3	1,2
9	Đường Nguyễn Huệ	1,3	1,3	1,3	1,2
10	Đường Bùi Thị Xuân	1,3	1,3	1,3	1,2
11	Đường Phan Đình Phùng	1,3	1,3	1,3	1,2
12	Đường Phan Bội Châu	1,3	1,3	1,3	1,2
13	Đường Hai Bà Trưng				
13.1	Đoạn từ giáp đường Phạm Văn Đồng đến giáp đường Nguyễn Huệ	1,3	1,3	1,3	1,3
13.2	Đoạn từ giáp đường Nguyễn Huệ đến giáp Trụ sở Công an thị xã	1,3	1,3	1,3	1,2
14	Đường Lương Văn Chánh	1,3	1,3	1,3	1,3
15	Đường Trần Bình Trọng				
15.1	Đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến giáp đường Lương Văn Chánh	1,3	1,3	1,3	1,3
15.2	Đoạn còn lại	1,3	1,3	1,3	1,2
16	Đường Ngô Quyền	1,3	1,3	1,3	1,2
17	Đường Lê Thành Phương	1,3	1,3	1,3	1,2
18	Đường Hoàng Hoa Thám	1,3	1,3	1,3	1,3
19	Đường Võ Thị Sáu	1,3	1,3	1,3	1,2
20	Đường Lý Thường Kiệt	1,3	1,3	1,2	1,1
21	Đường Nguyễn Hồng Sơn				
21.1	Đoạn giáp đường Phạm Văn Đồng đến Lăng Bà	1,3	1,1	1,1	1,0
21.2	Đoạn từ Lăng Bà đến cầu xi măng lên Mỹ Sơn (Trường Mẫu giáo Mỹ Thành)	1,1	1,1	1,1	1,0
21.3	Đoạn từ cầu xi măng lên Mỹ Sơn (Trường Mẫu giáo Mỹ Thành) đến giáp QL1	1,1	1,1	1,1	1,0
22	Đường Triệu Thị Trinh (đường quy hoạch 6-1)	1,3	1,3	1,2	1,2
23	Đường Phan Chu Trinh (đường quy hoạch 6-2)	1,3	1,3	1,2	1,2
24	Đường Trần Quốc Toản (đường quy hoạch 6-3)	1,3	1,3	1,2	1,2
25	Đường Kim Đồng	1,2	1,2	1,2	1,0
26	Đường ĐT 642: Đoạn giáp Quốc lộ 1A đến ngã ba trong	1,1	1,1	1,1	1,0
27	Đường Lê Hồng Phong				
27.1	Đoạn giáp đường Hoàng Hoa Thám đến giáp	1,3	1,3	1,3	1,3

ST T	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT 3	VT 4
36.4	Ô phố E				
-	Đường rộng 12m	1,0			
-	Đường rộng 25m	1,0			
-	Quốc lộ 1A	1,0			
37	Khu dân cư An Bình Thạnh, phường Xuân Đài (giai đoạn 2, sau khi hoàn thành)				
37.1	Ô phố F: Đường rộng 25m	1,0			
37.2	Ô phố D: Đường rộng 16m	1,0			
37.3	Ô phố G				
-	Đường rộng 25m	1,0			
-	Đường rộng 16m (trước sân thể thao)	1,0			
-	Đường rộng 16m	1,0			
-	Đường rộng 12m	1,0			
37.4	Ô phố H				
-	Đường rộng 20m (đất dịch vụ)	1,0			
37.5	Ô phố K				
-	Đường rộng 16m	1,0			
-	Đường rộng 12m	1,0			
37.6	Ô phố L				
-	Đường rộng 20 mét (đất dịch vụ)	1,0			
38	Khu dân cư Sân khấu lộ thiên				
38.1	Đường rộng 14m				
-	Đường Hồng Bàng	1,3			
-	Đường Âu Cơ	1,3			
-	Đường Lạc Long Quân	1,3			
38.2	Đường rộng 14m còn lại				
-	Đường Mạc Đĩnh Chi (khu E: từ lô E1 đến lô E14)	1,3			
38.3	Đường rộng 16m				
-	Đường Nguyễn Thị Minh Khai (Khu B: từ lô B1 đến lô B8, khu D: từ lô D1 đến lô D5; Khu F: từ lô F15 đến lô F19 và khu E: từ lô E15 đến lô E17)	1,3			
39	Dự án khu dân cư đường nội thị dọc bờ biển thị xã Sông Cầu (nay là phường Xuân Phú sau khi đầu tư hoàn thành)				
39.1	Ô B3, B5, B6, B7, B8, B9: Các lô tiếp giáp đường rộng 25m	1,3			
39.2	Ô B1, B2, B7, B8, A4, A5, A8: các lô tiếp giáp đường rộng 20m	1,3			

ST T	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT 3	VT 4
39.3	Ô B1, B2, B3, B4, A1, A2, A3, A4, A5, A6, A7, A8, A9: các lô tiếp giáp đường rộng 16 mét (50 lô của khu B6 và B7 không tổ chức đấu giá, mục đích để tái định cư tại chỗ khu A và B cho các hộ bị giải toả có yêu cầu tái định cư tại chỗ)	1,3			
39.4	Ô B1, B2, B3, B4, B5, B6, B7, B9, B10: các lô tiếp giáp đường rộng 10m	1,3			
40	Khu dân cư Phước Lý (thị xã Sông Cầu chưa đề xuất giá khu G)				
40.1	Khu D, C, E, G: Các lô tiếp giáp đường Bê tông rộng 5m	1,3			
40.2	Khu A, B, C, D: Các lô tiếp giáp trục đường rộng 20m	1,3			
40.3	Các lô tiếp giáp trục đường nội bộ rộng 5m	1,3			
41	Khu dân cư phía Đông sân thể thao cơ bản thị xã Sông Cầu				
-	Đường rộng 12m	1,3			
-	Đường rộng 8m	1,3			
42	Khu dân cư Phú Vinh, phường Xuân Đài				
-	Đường rộng 10m, khu A (từ lô A1 đến lô A6)	1,1			
-	Đường rộng 10m, khu A (các lô còn lại)	1,1			
-	Đường rộng 4 m	1,1			
43	Khu dân cư Sở Canh Nông, phường Xuân Đài				
-	Đường rộng 4m	1,1			
44	Khu tái định cư Quốc lộ 1, Chánh Nam-Khoan Hậu, phường Xuân Đài				
-	Đường (đường phía Tây), rộng 8m	1,0			
	Đường số 2, rộng 12m	1,0			
-	Đường số 01, số 11, rộng 8m và đường số 10, rộng 12m	1,0			
45	Khu tái định cư Quốc lộ 1, xóm Mới, khu phố An Thạnh, phường Xuân Đài				
-	Đường N1, rộng 16m	1,0			
-	Đường D1, rộng 7,5m	1,0			
-	Đường N2, rộng 10m và đường D2, rộng 7,5m	1,0			
46	Khu tái định cư Quốc lộ 1, xóm Côn (đoạn từ Bắc đường Đài Loan-Việt Nam đến Lãng), phường Xuân Đài				
-	Đường rộng 16m	1,0			

ST T	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT 3	VT 4
-	Đường rộng 12m	1,0			
47	Khu tái định cư Quốc lộ 1, Lê Uyên Đông, phường Xuân Yên				
	Đường số 1, rộng 16m	1,0			
	Đường số 2, rộng 16m	1,0			
48	Đường Đoàn Thị Điểm				
-	Đoạn từ giáp đường Phạm Văn Đồng đến giáp đường Võ Thị Sáu	1,4	1,3	1,1	1,1
-	Đoạn từ giáp đường Phạm Văn Đồng đến giáp nhà ông Phạm Văn Cầu	1,3	1,3	1,1	1,1
III	Thị trấn Chí Thạnh-huyện Tuy An				
1	Quốc lộ 1A				
-	Đoạn từ ranh giới xã An Cư đến giáp cầu Đông Sa	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Đông Sa đến điểm giao phía Nam cầu vượt	1,3	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ điểm giao phía Nam cầu vượt đến chân cầu vượt phía Bắc	1,4	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ chân cầu vượt phía Bắc đến cầu Ngân Sơn	1,3	1,1	1,0	1,0
2	Đường Lê Thành Phương				
-	Đoạn từ Ga Chí Thạnh đến QL1A	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ QL1A đến Giếng nông sản	1,4	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ Giếng nông sản đến giáp ranh xã An Định	1,2	1,1	1,0	1,0
3	Đường Trần Phú				
-	Đoạn từ QL1A (KP-Trường Xuân) đến đường Ngân Sơn-Chí Thạnh	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Ngân Sơn-Chí Thạnh đến đường Trần Rịa	1,4	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Trần Rịa đến công hợp (KP-Long Bình)	1,3	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ công hợp khu phố Long Bình đến QL 1A (KP-Chí Đức)	1,4	1,2	1,0	1,0
4	Đường Hải Dương:				
-	Đoạn từ QL1A đến Ngân Sơn-Chí Thạnh	1,3	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ Ngân Sơn-Chí Thạnh đến ngã tư Lê Thành Phương	1,3			
5	Đường Ngân Sơn Chí Thạnh	1,3	1,2	1,0	1,0
6	Đường Võ Trứ				
-	Đoạn từ QL1A đến đường Hải Dương	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Hải Dương đến đường Ngân	1,3	1,0	1,0	1,0

ST T	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT 3	VT 4
	Sơn Chí Thạnh				
-	Đoạn từ đường Ngân Sơn-Chí Thạnh đến đường Lê Thành Phương	1,4			
7	Đường Nguyễn Mỹ	1,2	1,0	1,0	1,0
8	Đường Ô Loan	1,3			
9	Đường Nguyễn Hoa	1,2	1,1	1,0	1,0
10	Đường Trần Rịa				
-	Đoạn từ đường Lê Thành Phương đến đường Trần Phú	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Trần Phú đến QL1A	1,2	1,1	1,0	1,0
11	Đường Nguyễn Thị Loan	1,2	1,1	1,0	1,0
12	Đường Châu Kim Huệ				
-	Đoạn từ đường Trần Rịa đến Nhà máy xay xát cũ	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Nhà máy xay xát cũ đến A20	1,2	1,0	1,0	1,0
13	Đường từ QL1A đến công nhà máy nước (KP-Trường Xuân)	1,3	1,2	1,0	1,0
14	Đường Long Đức đi An Lĩnh				
-	Đoạn từ đường Trần Phú đến bến Ngựa (quán Khánh Nguyên)	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ Bến Ngựa (quán Khánh Nguyên) đến giáp ranh xã An Lĩnh	1,1	1,0	1,0	1,0
15	Đường Trần Rịa-chùa Long Bình đến đường Trần Phú				
-	Đoạn từ đường Trần Rịa đến dốc Mít (nhà bà Lý Thị Mỹ)	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ dốc Mít (nhà bà Lý Thị Mỹ) đến đường Trần Phú	1,1	1,0	1,0	1,0
16	Khu dân cư đồng Gò Méc				
-	Đường rộng $\geq 6m$	1,2	1,0		
-	Đường rộng $< 6m$	1,2	1,0		
17	Đường từ QL1A (ngã ba cây Keo) đến cầu Lò Gôm (cũ)	1,2	1,0	1,0	1,0
18	Đường khu tái định cư đi vào giáp chợ Ngân Sơn	1,2	1,0	1,0	1,0
19	Đoạn từ QL1A đến cầu Lò Gôm (mới)	1,3	1,2	1,0	1,0
20	Khu dân cư đường Trần Phú				
-	Đường số 3 rộng 12m	1,3			
-	Đường số 4 rộng 12m	1,3			
-	Đường số 14 rộng 16m	1,4			

ST T	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT 3	VT 4
-	Đường số 13 rộng 12,5m	1,3			
-	Đường số 10 rộng 8m; đường số 11 và 16 rộng 12,5m	1,3			
21	Đường số 7	1,3			
22	Khu tái định cư khu phố Chí Đức				
-	Đường số 1 rộng 9m	1,2			
-	Đường số 2 rộng 12,5m	1,2			
-	Đường số 3 rộng 12,5m	1,2			
-	Đường số 4 rộng 9m	1,2			
-	Đường số 5 rộng 14m	1,2			
-	Đường số 6 rộng 12,5m	1,2			
IV	TT Phú Hòa-huyện Phú Hòa				
1	Quốc lộ 25				
-	Đoạn từ ranh giới Hòa Thắng đến Km11+700	1,3	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Km11+700 đến Ga Đèo	1,3	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Ga Đèo đến ranh giới xã Hòa Định Tây	1,3	1,0	1,0	1,0
2	Đường liên xã Hòa An, Hòa Thắng, thị trấn Phú Hòa: Đoạn từ ranh giới Hòa Thắng đến Quốc lộ 25	1,3	1,0	1,0	1,0
3	Đường Đông Tây, Nam-Bắc thị trấn Phú Hòa				
-	Đường Đông-Tây	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đường Nam-Bắc	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Ga Đèo đến giáp đường bao phía Đông (đường mặt cắt 4-4)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ giáp đường bao phía Đông đến nhà ông Đặng (đường mặt cắt 4-4)	1,1	1,0	1,0	1,0
4	Đường nội bộ trong khu dân cư N03, N07 và tái định cư N09				
-	Đường rộng từ 1,5m trở lên	1,0			
-	Đường rộng dưới 1,5m	1,0			
5	Các đoạn đường còn lại				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
V	TT Hòa Vinh-huyện Đông Hòa				
1	Quốc lộ 1A				
-	Đoạn từ ranh giới phường Phú Lâm đến giao đường Gò Mắm-Đông Mỹ	1,5	1,4	1,1	1,0
-	Đoạn từ giao đường Gò Mắm-Đông Mỹ đến Trường THPT Lê Trung Kiên	1,5	1,4	1,1	1,0

ST T	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT 3	VT 4
-	Đoạn từ Trường PTTH Lê Trung Kiên đến công văn hóa khu phố 4	1,5	1,4	1,1	1,0
-	Đoạn từ công văn hóa khu phố 4 đến cầu Bàn Thạch cũ	1,4	1,2	1,1	1,0
2	Quốc lộ 29				
-	Đoạn từ ngã ba Cây Bàng đến đường bê tông công văn hóa khu phố 3	1,4	1,2	1,1	1,0
-	Đoạn từ đường bê tông công văn hóa khu phố 3 đến ranh giới thị trấn Hòa Hiệp Trung	1,4	1,2	1,1	1,0
3	Khu tái định cư số 1				
-	Đường nhựa rộng 20,5m	1,4			
-	Đường nhựa rộng 15,5m	1,4			
-	Đường bê tông rộng 12m	1,4			
4	Khu dân cư số 5 (đọc Quốc lộ 1)				
	Đường rộng 10m	1,4			
5	Khu dân cư số 2				
-	Đường N2 rộng 20,5m	1,4			
-	Đường D2 và đường N2.1 rộng 15,5m	1,4			
6	Đường D2.1 rộng 15,5m (từ đường D2 đến đường N4-A)	1,4			
7	Đường D2 rộng 15,5m (từ đường N2 đến hết D2)	1,4			
8	Các đường, đoạn đường còn lại trong thị trấn				
-	Khu vực 1	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
VI	TT Hòa Hiệp Trung-huyện Đông Hòa				
1	Đường liên huyện: Đoạn từ ranh giới xã Hòa Hiệp Bắc đến nhà ông Lê Đình Chuyên (cửa hàng xăng dầu)	1,4	1,2	1,0	1,0
2	Quốc lộ 29				
-	Đoạn từ ranh giới thị trấn Hòa Vinh đến cầu Bi	1,4	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Bi đến giáp đường liên huyện nhà ông Lê Đình Chuyên (cửa hàng xăng dầu)	1,4	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường liên huyện nhà ông Lê Đình Chuyên (cửa hàng xăng dầu) đến công chào khu phố Phú Hòa	1,5	1,4	1,0	1,0
-	Đoạn từ công chào khu phố Phú Hòa đến ranh giới xã Hòa Hiệp Nam	1,4	1,2	1,0	1,0
3	Đường liên khu phố: Đoạn đường từ Quốc lộ 29 (nhà ông Phan Nghị) đến tuyến đường ven biển đi	1,3	1,2	1,0	1,0

ST T	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT 3	VT 4
	Vũng Rô				
4	Khu tái định cư tại khu phố Phú Hiệp 3 (giai đoạn 1)				
-	Đường gom tiếp giáp Tiểu Dự án 3 (rộng 20,5m)	1,4			
-	Đường rộng 25m	1,4			
-	Đường rộng 16m	1,4			
-	Đường rộng 12m	1,4			
5	Khu dân cư Khu công nghiệp Hòa Hiệp (phục vụ tái định cư)				
-	Đường rộng 25m	1,4			
-	Đường rộng 18m	1,4			
-	Đường rộng 16m	1,4			
-	Đường rộng 12m	1,4			
6	Tuyến đường ven biển (đại lộ Hùng Vương)				
	Đoạn đường từ ranh giới xã Hòa Hiệp Bắc đến ranh giới xã Hòa Hiệp Nam	1,5			
7	Điểm dân cư Phú Hiệp 3				
-	Đường rộng 25m	1,4			
-	Đường rộng 16m	1,4			
-	Đường rộng 12m	1,3			
-	Đường rộng 6m	1,2			
8	Các đường, đoạn đường còn lại trong thị trấn				
-	Khu vực 1	1,4	1,2	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,2	1,1	1,0	1,0
VII	TT Phú Thứ-huyện Tây Hòa				
1	Quốc lộ 29				
-	Từ Ga Gò Mâm đến Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai đến giáp ranh xã Hòa Phong	1,1	1,0	1,0	1,0
2	Đường ĐT645				
-	Đoạn từ Ga Gò Mâm đến Nhà ông Trọng	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ nhà ông Trọng đến giáp ranh xã Hòa Bình 1	1,1	1,0	1,0	1,0
3	Đường liên xã Phú Thứ-Hòa Thịnh				
-	Đoạn từ cầu Phú Thứ đến Vũng Trăng	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Vũng Trăng đến giáp ranh xã Hòa Đông	1,1	1,0	1,0	1,0
4	Khu Tái định cư thị trấn Phú Thứ				
-	Đường số 16 (NB2-1) rộng 16m	1,2			
-	Đường số 6 (NB 2-2) rộng 16m	1,2			

ST T	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT 3	VT 4
-	Đường số 10 rộng 22m	1,2			
-	Đường số 5 (ĐT 1-1) rộng 21m	1,2			
-	Đường ĐT 1-2 rộng 21m	1,2			
-	Đường số 4 rộng 12m	1,2			
-	Đường số 9 (N6) rộng 13m	1,2			
-	Đường số 7 rộng 13m	1,2			
-	Đường số 1 rộng 12m	1,2			
-	Đường số 3 rộng 12m	1,2			
-	Đường số 8 rộng 12m	1,2			
-	Đường số 12 rộng 12m	1,2			
-	Đường số 14 rộng 12m	1,2			
5	Các đường, đoạn đường còn lại trong thị trấn				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
VII I	TT Hai Riêng-Sông Hinh				
1	Đường Quốc lộ 29 (ĐT645 cũ)				
-	Đoạn từ ranh giới xã EaBia đến cầu buôn Thô (Trần Hưng Đạo)	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Trụ sở Quản lý đường bộ đến giáp Trạm y tế thị trấn	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Trạm y tế thị trấn đến ngã ba đi buôn Ken	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba đi buôn Ken đến giáp ranh giới xã Ea Bar	1,1	1,0	1,0	1,0
2	Đường Trần Hưng Đạo				
-	Đoạn từ cầu buôn Thô đến ngã ba đi buôn H'Kloc	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba đi buôn H'Kloc đến Chi nhánh Điện Sông Hinh	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Chi nhánh Điện Sông Hinh đến giáp huyện Đội	1,3	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ huyện Đội đến ngã ba Hoàng Hoa Thám	1,3	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba Hoàng Hoa Thám đến đường hẻm (đường cứu hỏa giáp ranh quán cà phê Thảo Nguyên)	1,3	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường hẻm (đường cứu hỏa) đến đường Hồ Xuân Hương (gộp đoạn từ ranh nhà số 44 Trần Hưng Đạo (nhà ông Vượng) đến ngã ba đường Trần Phú và đoạn từ ngã ba đường Trần Phú đến đường Hồ Xuân Hương)	1,2	1,0	1,0	1,0

ST T	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT 3	VT 4
3	Đường Lê Lợi				
-	Đoạn từ ngã tư đường Trần Hưng Đạo đến giáp ngã ba đường Hai Bà Trưng	1,3	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba đường Hai Bà Trưng đến giáp ngã ba đường Hoàng Văn Thụ	1,3	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba đường Hoàng Văn Thụ đến giáp Trụ sở Quản lý đường bộ	1,2	1,0	1,0	1,0
4	Đường Nguyễn Trãi				
-	Đoạn từ ngã tư đường Trần Hưng Đạo đến giáp ngã ba Nguyễn Công Trứ	1,3	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba đường Nguyễn Công Trứ đến đường Nguyễn Đình Chiểu	1,3	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Nguyễn Đình Chiểu đến giáp ngã ba đường Nơ Trang Long	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba đường Nơ Trang Long đến giáp đường Nguyễn Huệ	1,2	1,0	1,0	1,0
5	Đường Trần Phú				
-	Đoạn từ Trần Hưng Đạo đến đường Nguyễn Văn Trỗi	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Nguyễn Văn Trỗi đến đường Nguyễn Huệ	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn ngã ba Nguyễn Huệ đến cầu tràn suối Bệnh viện	1,2	1,0	1,0	1,0
6	Đường Nguyễn Huệ	1,2	1,0	1,0	1,0
7	Đường Hồ Xuân Hương	1,2	1,0	1,0	1,0
8	Đường Nguyễn Văn Trỗi	1,2	1,0	1,0	1,0
9	Đường Nguyễn Công Trứ				
-	Đoạn từ ngã ba Nguyễn Trãi đến giáp ngã ba Lương Văn Chánh	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Lương Văn Chánh đến giáp đường Nguyễn Văn Cừ	1,2	1,0	1,0	1,0
10	Đường Lương Văn Chánh				
-	Đoạn từ đường Nguyễn Công Trứ đến giáp đường Trần Hưng Đạo	1,3	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo-giáp ngã tư đường Ngô Quyền	1,3	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã tư đường Ngô Quyền đến giáp ngã tư đường Hai Bà Trưng	1,3	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã tư Hai Bà Trưng đến công số 2	1,1	1,0	1,0	1,0
11	Đường Hai Bà Trưng				

ST T	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT 3	VT 4
-	Đoạn từ ngã ba Lê Lợi đến giáp ngã tư Lương Văn Chánh	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã tư Lương Văn Chánh đến giáp đường Hồ Xuân Hương	1,1	1,0	1,0	1,0
12	Đường Ngô Quyền	1,1	1,0	1,0	1,0
13	Đường Lý Thường Kiệt	1,1	1,0	1,0	1,0
14	Đường Bà Triệu	1,1	1,0	1,0	1,0
15	Đường Hoàng Văn Thụ	1,1	1,0	1,0	1,0
16	Đường Lê Thành Phương	1,1	1,0	1,0	1,0
17	Đường Hoàng Hoa Thám				
-	Đoạn từ ngã ba Trần Hưng Đạo đến giáp đường Nguyễn Đình Chiểu	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Nguyễn Đình Chiểu đến đường vào nhà Rông buôn Hai Riêng	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường vào nhà Rông buôn Hai Riêng đến cầu Ea Bia	1,1	1,0	1,0	1,0
18	Đường Nguyễn Đình Chiểu	1,1	1,0	1,0	1,0
19	Đường Chu Văn An	1,1	1,0	1,0	1,0
20	Đường Lê Quý Đôn	1,1	1,0	1,0	1,0
21	Đường Tuệ Tĩnh	1,1	1,0	1,0	1,0
22	Đường từ ngã ba Tuệ Tĩnh đi đến giáp đường Nơ Trang Long (khu mới quy hoạch)	1,1	1,0	1,0	1,0
23	Đường Nơ Trang Long	1,1	1,0	1,0	1,0
24	Đường ĐT649				
-	Đoạn từ ranh giới xã Đức Bình Tây đến giáp khu dân cư khu phố 1	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ khu dân cư khu phố 1 đến giáp đường Quốc lộ 29 (ĐT645)	1,1	1,0	1,0	1,0
25	Đường đi buôn H' KLóc, xã Ea Bia				
-	Đoạn từ ngã ba Trần Hưng Đạo đến ranh Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị huyện	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị huyện đến giáp ranh xã Ea Bia	1,1	1,0	1,0	1,0
26	Đường Võ Trứ: Đoạn từ ngã ba Trần Hưng Đạo đến ngã ba đường Lê Lợi (đường Hoàng Hòa Thám đoạn từ Trần Hưng Đạo đến nhà ông Chu Văn Năng)	1,1	1,0	1,0	1,0
27	Đường từ ngã ba đường Nguyễn Văn Trỗi đến giáp đường Hồ Xuân Hương	1,1	1,0	1,0	1,0

ST T	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT 3	VT 4
28	Các đoạn đường trong Khu dân cư khu phố 3 mới QH	1,1	1,0	1,0	1,0
29	Đường Khu dân cư khu phố 7: Đoạn từ ngã ba Trần Hưng Đạo đến ngã ba Võ Trứ	1,1	1,0	1,0	1,0
30	Đường Khu dân cư khu phố 8				
-	Đoạn từ ngã ba Lê Lợi đi khu vực Lam Sơn đến nhà ông Báu (tính hết đường bê tông)	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba Lê Lợi đi hướng đường Lương Văn Chánh nối dài đến nhà bà Ngân (tính hết đường bê tông)	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba Quốc lộ 29 đến hết đất phân Trường Tiểu học khu phố 8	1,1	1,0	1,0	1,0
31	Các đoạn đường còn lại trong thị trấn	1,1	1,0	1,0	1,0
32	Đất ở các buôn thuộc thị trấn	1,0	1,0	1,0	1,0
IX	TT Củng Sơn-huyện Sơn Hòa				
1	Đường Trần Phú				
-	Đoạn từ bờ sông Ba đến giao đường 24/3	1,3	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã giao đường 24/3 đến nương thủy lợi nhà ông Bình	1,4	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ nương thủy lợi (nhà ông Hạnh) đến đường Trần Hưng Đạo	1,5	1,3	1,0	1,0
-	Đoạn từ giao đường Trần Hưng Đạo đến ranh giới xã Suối Bạc	1,3	1,2	1,0	1,0
2	Đường Nguyễn Chí Thanh				
-	Đoạn từ đường lên Hòn Ngang đến đường Trần Phú	1,3	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Trần Phú đến giao đường Hùng Vương	1,4	1,3	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Hùng Vương đến giao đường số 11	1,3	1,2	1,0	1,0
3	Đường Lê Lợi				
-	Đoạn từ đường lên Hòn Ngang đến đường Trần Phú	1,3	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Trần Phú đến giao đường Hùng Vương	1,4	1,3	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Hùng Vương đến đường số 11	1,4	1,3	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường số 11 đến đường 24/3	1,3	1,2	1,0	1,0
4	Đường Trần Hưng Đạo				
-	Đoạn từ chân đồi Hòn ngang đến giao đường số 11	1,3	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường số 11 đến hết khu Thổ Đá	1,2	1,1	1,0	1,0
5	Đường Nguyễn Thị Minh Khai				
-	Đoạn từ chân đồi Hòn Ngang đến đường số 11	1,3	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường số 11 đến hết khu Thổ Đá	1,2	1,1	1,0	1,0
6	Đường Hai Bà Trưng: Đoạn từ đường Trần	1,3	1,2	1,0	1,0

ST T	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT 3	VT 4
	Hung Đạo đến đường Lê Lợi				
7	Đường Hùng Vương				
-	Đoạn từ đường Lê Lợi đến giao đường Trần Hưng Đạo	1,3	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến giao đường Hồ Suối Bùn I	1,2	1,1	1,0	1,0
8	Đường Võ Thị Sáu				
-	Đoạn từ đường Lê Lợi đến giao đường Trần Hưng Đạo	1,3	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Hồ Suối Bùn I	1,2	1,1	1,0	1,0
9	Đường số 11: Đoạn từ đường Lê Lợi đến giao đường Trần Hưng Đạo	1,2	1,1	1,0	1,0
10	Đường 24/3				
-	Đoạn từ Suối Thá đến đường ĐT 646	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường ĐT646 đến đường vào bên nước Ông Đa	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường vào bên nước Ông Đa đến ranh (phía trên) Nhà thờ Tây Hòa	1,4	1,3	1,0	1,0
-	Đoạn từ ranh (phía trên) Nhà thờ Tây Hòa đến ngã ba (giao với đường vào Chùa Phước Sơn)	1,3	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba (giao với đường vào chùa Phước Sơn) đến ranh giới xã Suối Bạc	1,2	1,1	1,0	1,0
11	Đường ĐT646: Đoạn từ cầu Sông Ba đến giáp ranh xã Suối Bạc	1,2	1,1	1,0	1,0
12	Đường nội bộ chợ Sơn Hòa: Đoạn từ đường Lê Lợi đến giao đường Nguyễn Chí Thanh	1,4	1,3	1,0	1,0
13	Đường từ ngã tư công viên (đường Trần Phú) đến hồ Suối Bùn 2	1,3	1,2	1,0	1,0
X	TT La Hai-huyện Đồng Xuân				
1	Đường Lê Lợi (toàn tuyến)	1,3	1,2	1,1	1,1
2	Đường Trần Phú				
-	Đoạn từ giáp xã Xuân Quang 2 đến trụ Km0	1,3	1,2	1,1	1,1
-	Đoạn từ Km0 (đường vào bãi rác) đến nút giao Trần Phú-Nguyễn Huệ	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ nút giao Trần Phú-Nguyễn Huệ đến đường Võ Trứ (Trạm bảo vệ thực vật)	1,3	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Võ Trứ (Trạm BVTV) đến hết đường Trần Phú	1,2	1,1	1,0	1,0
3	Đường Nguyễn Trãi				

ST T	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT 3	VT 4
-	Đoạn từ Nhà máy nước La Hai đến giáp đường Trần Phú	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Trần Phú đến đường Lê Thành Phương	1,3	1,2	1,0	1,0
4	Đường Lương Tấn Thịnh				
-	Từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Lê Lợi	1,2	1,2	1,0	1,0
-	Từ đường Lê Lợi đến đường Trường Chinh	1,2	1,1	1,0	1,0
5	Đường Trần Hưng Đạo				
-	Từ Km12+020 (cầu Lô Sáu-giáp xã Xuân Sơn Nam) đến Km13+000 (cống thoát nước)	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Từ Km13+000 (cống thoát nước) đến Km (14+300) cầu Sắt La Hai	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Từ (Km14+300) cầu Sắt La Hai đến km 16+070 Đốc Quận (Phòng y tế)	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Từ Km16+070 Đốc Quận (Phòng y tế) đến công viên hóa KP Long Bình	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Từ công viên hóa KP Long Bình đến dốc Hố Ó (giáp xã Xuân Long)	1,2	1,1	1,0	1,0
6	Đường Phan Trọng Đường				
-	Từ đường Trần Hưng Đạo (nhà ông Ty) đến đường Trần Cao Vân (nhà ông Tòng)	1,3	1,2	1,0	1,0
-	Từ đường Trần Cao Vân (nhà ông May) đến đường Trần Hưng Đạo (cổng Trung tâm văn hóa)	1,2	1,1	1,0	1,0
7	Đường Võ Trú: Toàn tuyến	1,2	1,0	1,0	1,0
8	Đường Trần Cao Vân: Đoạn từ đường Phan Trọng Đường đến nhà ông Dương	1,2	1,1	1,0	1,0
9	Đường số 15: Đoạn từ đường Trần Cao Vân đến đường Trần Hưng Đạo (nhà ông Lê Ngọc Liễn)	1,2	1,0	1,0	1,0
10	Đường Nguyễn Huệ: Từ Đường Trần Phú đến đường Lương Văn Chánh (cây đồng Long Hà)	1,3	1,2	1,0	1,0
11	Đường Võ Thị Sáu				
-	Từ nhà ông Long đến khu tập thể Trường PTTH Lê Lợi	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Từ nhà ông Nguyễn Thanh Bình đến nhà ông Nguyễn Duy Thanh	1,2	1,1	1,0	1,0
12	Đường Nguyễn Du (toàn tuyến)	1,2	1,1	1,0	1,0
13	Đường Võ Văn Dũng: Từ đường Lương Văn Chánh đến giáp xã Xuân Quang 3	1,2	1,0	1,0	1,0
14	Đường Lương Văn Chánh				
-	Từ Km12+500 (giáp ranh Xuân Sơn Bắc) đến	1,2	1,0	1,0	1,0

ST T	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT 3	VT 4
	đường Trần Hưng Đạo)				
-	Từ cầu Sắt La Hai đến khu dân cư xóm Ké (nhà bà Tư)	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Từ khu dân cư xóm Ké (nhà bà Tư) đến giáp xã Xuân Quang 3 (đèo ngang)	1,3	1,0	1,0	1,0
15	Đường Trường Chinh (toàn tuyến)	1,2	1,0	1,0	1,0
16	Đường Phan Lưu Thanh				
-	Từ đường Trần Hưng Đạo đến công Trường THCS Phan Lưu Thanh	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Từ công Trường THCS Phan Lưu Thanh đến khu di tích Phan Lưu Thanh	1,2	1,0	1,0	1,0
17	Đường Lê Thành Phương dọc Bàu Long Thẳng (Đoạn từ đường sắt Bắc-Nam đến nhà ông Đỗ Tư)	1,2	1,0	1,0	1,0
18	Đường Khóm 5-Soi Họ (từ đường Lương Văn Chánh-giáp xã Xuân long)	1,2	1,0	1,0	1,0
19	Đường Nguyễn Hào Sự (từ Nguyễn Huệ đến đường Võ Văn Dũng)	2,0	1,2	1,0	1,0
20	Khu dân cư nam cầu mới La Hai				
-	Khu A	1,3			
-	Khu B	1,1			
-	Khu C	1,1			
-	Khu D	1,1			
-	Khu E	1,1			

UBND TỈNH PHÚ YÊN

Phụ lục 2

HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN 05 NĂM

(Kèm theo Quyết định số/2016/QĐ-UBND ngày .../ /2016 của UBND tỉnh)

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
I	Thành phố Tuy Hòa (4 xã)				
A	Vùng đồng bằng (4 xã)				
1	Xã Bình Ngọc				
1.1	Đường Hải Dương: Đoạn từ đường Nguyễn Tất Thành đến giáp huyện Phú Hòa	1,3	1,3	1,3	1,3
1.2	Đường Trần Quang Khải: Đoạn từ đường Nguyễn Tất Thành đến ranh giới xã Bình Ngọc, Hòa An	1,3	1,3	1,3	1,3
1.3	Đường Mạc Thị Bưởi: Đoạn từ đường Trần Quang Khải đến ranh giới xã Bình Ngọc và xã Hòa An	1,3	1,3	1,3	1,3
1.4	Đường Côn Sơn: Đoạn từ đường Trần Quang Khải đến ranh giới xã Bình Ngọc và xã Hòa An	1,3	1,3	1,3	1,3
1.5	Đường giao thông nông thôn Ngọc Phước 2	1,2	1,2	1,2	1,2
1.6	Đường giao thông nông thôn Ngọc Lãng: Đoạn từ đường phía Đông giáp đường sắt đến đường bê tông	1,2	1,2	1,2	1,2
1.7	Đường quy hoạch 20m: Đoạn từ đường Mạc Thị Bưởi đến đường Hải Dương	1,2			
1.8	Đại lộ Nguyễn Tất Thành (đoạn qua địa bàn xã)	1,3	1,3	1,3	1,3
2	Xã Hoà Kiến				
2.1	Xã lộ 20				
-	Đoạn từ giáp ranh Phường 9 đến cầu Minh Đức	1,2	1,2	1,2	1,2
-	Đoạn từ cầu Minh Đức đến đầu kênh N1	1,2	1,2	1,2	1,2
-	Đoạn từ kênh N1 đến Đá Bàn	1,2	1,2	1,2	1,2
2.2	Các tuyến đường liên thôn tiếp giáp xã lộ 20				
-	Đường từ cầu Minh Đức đến chùa Minh Sơn	1,2	1,2	1,2	1,2
-	Đường từ chùa Minh Sơn đến cầu Cai Tiên	1,2	1,2	1,2	1,2
-	Đường từ Quốc lộ 1A đến chợ Xuân Hòa	1,2	1,2	1,2	1,2
-	Đường từ Trường Trung học cũ đến cuối thôn Tường Quang	1,2	1,2	1,2	1,2
-	Đường từ cầu làng Quan Quang đến kênh N1	1,2	1,2	1,2	1,2

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
-	Đường từ Bưu điện xã đến sân kho thôn Xuân Hòa	1,2	1,2	1,2	1,2
2.3	Các đường, đoạn đường còn lại trong xã	1,2	1,2	1,2	1,2
2.4	Quốc lộ 1A (đoạn qua địa bàn xã)	1,2			
3	Xã Bình Kiến				
3.1	Đường Độc Lập: Đoạn thuộc địa bàn xã Bình Kiến	1,3	1,3	1,3	1,3
3.2	Đường Lê Duẩn: Đoạn thuộc địa bàn xã Bình Kiến	1,3	1,3	1,3	1,3
3.3	Đại lộ Hùng Vương				
-	Đoạn từ Lê Đại đến đường số 14	1,3	1,3	1,3	1,3
-	Đoạn từ đường số 14 đến ranh giới xã Bình Kiến và xã An Phú	1,3	1,3	1,3	1,3
3.4	Đại lộ Nguyễn Tất Thành: Đoạn thuộc địa bàn xã Bình Kiến	1,3	1,3	1,3	1,3
3.5	Đường Lý Nam Đế: Đoạn từ đại lộ Hùng Vương đến đường Hà Huy Tập	1,3			
3.6	Đường Nơ Trang Long: Đoạn từ đại lộ Hùng Vương đến đường Hà Huy Tập	1,3			
3.7	Đường Lương Định Của: Đoạn từ đại lộ Hùng Vương đến Hà Huy Tập	1,3			
3.8	Đường Trần Nhân Tông: Đoạn từ đại lộ Hùng Vương đến Hà Huy Tập	1,3			
3.9	Đường Võ Trứ: Đoạn từ đại lộ Hùng Vương đến Hà Huy Tập	1,3			
3.10	Các trục đường thuộc khu dân cư phía Tây đại lộ Hùng Vương (đoạn từ đường An Dương Vương-N14)				
-	Trục đường rộng 10m	1,2			
-	Trục đường rộng 6m	1,2			
3.11	Các trục đường thuộc Khu dân cư phía Đông đại lộ Hùng Vương (đoạn từ đường số 14-Quốc lộ 1A)				
-	Trục đường rộng 20m	1,2			
-	Trục đường rộng 16m	1,2			
-	Trục đường rộng 10m	1,2			
-	Trục đường rộng 6m-dưới 10m	1,2			
3.12	Đường đi Thượng Phú				
-	Đoạn từ đại lộ Nguyễn Tất Thành đến	1,2	1,2	1,2	1,2

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Trạm bơm Phú Vang				
-	Đoạn từ Trạm bơm Phú Vang đến Thượng Phú	1,2	1,2	1,2	1,2
3.13	Đường đi Bầu Cả				
-	Đoạn từ đại lộ Nguyễn Tất Thành đến hết khu tái định cư Bầu Cả	1,2	1,2	1,2	1,2
-	Đoạn từ hết khu tái định cư Bầu Cả đến giáp xã Hòa Kiến	1,2	1,2	1,2	1,2
3.14	Các trục đường dưới 12m thuộc khu tái định cư Bầu Cả	1,2			
3.15	Đường Mậu Thân (đoạn qua địa bàn xã)	1,3	1,3	1,3	1,3
3.16	Quốc lộ 1A (đoạn qua địa bàn xã)	1,3	1,3	1,3	1,3
3.17	Đường Tân Trào	1,3			
3.18	Đường Hà Huy Tập	1,3			
4	Xã An Phú				
4.1	Đường Độc Lập: Đoạn thuộc địa bàn xã An Phú	1,3	1,3	1,3	1,3
4.2	Đường Lê Duẩn				
-	Đoạn từ ranh giới xã Bình Kiến và An Phú đến ngã ba khu tái định cư thôn Chính Nghĩa	1,3	1,3	1,3	1,3
-	Đoạn từ ngã ba khu tái định cư thôn Chính Nghĩa đến ngã tư đường cơ động	1,3	1,3	1,3	1,3
4.3	Đại lộ Hùng Vương: Đoạn từ ranh giới xã Bình Kiến và xã An Phú đến QL1A (các vị trí 2,3,4 tính theo giá đất các đường thuộc Khu dân cư phía Đông đại lộ Hùng Vương (đoạn từ đường số 14-Quốc lộ 1A)	1,3	1,3	1,3	1,3
4.4	Quốc lộ 1A (đoạn qua địa bàn xã)				
-	Đoạn từ ranh giới xã Bình Kiến, An Phú đến Km1323+200	1,3	1,3	1,3	1,3
-	Đoạn từ Km1323+200 đến giáp xã An Chấn	1,3	1,3	1,3	1,3
4.5	Đường cơ động ven biển	1,3	1,3	1,3	1,3
4.6	Đường liên xã				
-	Đoạn từ Quốc lộ 1A đến Bệnh viện Điều dưỡng và phục hồi chức năng	1,2	1,2	1,2	1,2
-	Đoạn từ Bệnh viện Điều dưỡng và phục hồi chức năng đến cầu Đồng Nai	1,2	1,2	1,2	1,2
4.7	Đường liên thôn Xuân Dục, Chính Nghĩa	1,2	1,2	1,2	1,2

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
4.8	Đường khu tái định cư Gò Giữa				
-	Trục đường rộng 13m	1,2			
-	Trục đường quy hoạch rộng 12m	1,2			
-	Trục đường quy hoạch rộng 10m	1,2			
4.9	Đường liên thôn Phú Liên				
-	Đoạn từ ngã ba Thượng Phú đến cầu Sắt Phú Liên (cũ)	1,2	1,2	1,2	1,2
-	Đoạn từ cầu sắt Phú Liên đến Gò Sầm (cũ)	1,2	1,2	1,2	1,2
4.10	Đường liên thôn Phú Lương: Đoạn từ ngã ba Nghĩa trang Thọ Vực-suối Gò Dầu	1,2	1,2	1,2	1,2
4.11	Đường khu TĐC xứ Đông Phú thôn Chính Nghĩa				
-	Trục đường rộng 6m	1,2			
4.12	Đường từ QL1A đến ngã ba Thượng Phú, Phú Liên	1,2	1,2	1,2	1,2
II	Thị xã Sông Cầu (10 xã)				
A	Vùng đồng bằng (9 xã)				
1	Xã Xuân Lộc				
1.1	Quốc lộ 1A				
-	Đoạn từ giáp ranh tỉnh Bình Định đến Trụ sở UBND xã Xuân Lộc	1,2	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ Trụ sở UBND xã Xuân Lộc đến giáp ranh xã Xuân Bình	1,2	1,2	1,0	1,0
1.2	Đường Chánh Lộc-Diêm Trường				
-	Đoạn tiếp giáp Quốc lộ 1A đi qua chợ cũ đến ngã ba đường Chánh Lộc-Diêm Trường	1,2	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn tiếp giáp Quốc lộ 1A (ngã ba Hà Dom) đến ngã ba đường Chánh Lộc-Diêm Trường	1,2	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba đường Chánh Lộc-Diêm Trường đến Trường Bùi Thị Xuân	1,2	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ Trường Bùi Thị Xuân đến ngã tư đường Xuân Bình-Xuân Hải	1,2	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã tư đường Xuân Bình-Xuân Hải đến giáp đầm Cù Mông	1,2	1,2	1,0	1,0
1.3	Đường lên hồ chứa nước Xuân Bình				
-	Đoạn tiếp giáp Quốc lộ 1A đến lô số 1 QHPL khu dân cư	1,2	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ giáp lô số 1 QHPL khu dân cư đến giáp ranh xã Xuân Bình	1,2	1,2	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
1.4	Khu dân cư chợ Xuân Lộc				
-	Khu D và khu E	1,2			
-	Khu F	1,2			
-	Mặt tiền đường số 8, số 9 và số 10	1,2			
1.5	Các đường, đoạn đường còn lại đã được bê tông hóa (hoặc láng nhựa) trong xã				
-	Khu vực 1				
+	Đường Chánh Lộc-Thọ Lộc (đoạn từ Quốc lộ 1A đến ngã ba ông Dàn)	1,2	1,2	1,0	1,0
+	Đường Chánh Lộc-Thọ Lộc (đoạn từ ngã ba ông Dàn đến Bàu Neo)	1,2	1,2	1,0	1,0
+	Đường Chánh Lộc-Thọ Lộc (đoạn từ Quốc lộ 1A đi qua Niệm Phật Đường đến Trụ sở thôn Chánh Lộc)	1,2	1,2	1,0	1,0
+	Đường xóm Cát-Chánh Lộc	1,2	1,2	1,0	1,0
-	Khu vực 2				
+	Đường Chánh Lộc-Thọ Lộc (đoạn từ ngã ba ông Dàn đến Trường Thọ Lộc)	1,2	1,2	1,0	1,0
+	Đường Mỹ Lộc-Mỹ Phụng	1,2	1,2	1,0	1,0
+	Đường Mỹ Phụng-Thọ Lộc	1,2	1,2	1,0	1,0
+	Đường Thạch Khê	1,2	1,2	1,0	1,0
+	Đường QL1-Lầm Thạch Khê	1,2	1,2	1,0	1,0
+	Đường Mỹ Phụng-Diêm Trường	1,2	1,2	1,0	1,0
+	Đường Dốc ông Dinh-Mỹ Phụng	1,2	1,2	1,0	1,0
+	Quốc lộ 1-thôn Mỹ Lộc	1,2	1,2	1,0	1,0
+	Đường Chánh Lộc-Mỹ Lộc	1,2	1,2	1,0	1,0
1.6	Các đường, đoạn đường còn lại là đường đất trong xã				
-	- Khu vực 1	1,2	1,2	1,0	1,0
-	- Khu vực 2	1,2	1,2	1,0	1,0
2	Xã Xuân Bình				
2.1	Quốc lộ 1A				
-	Đoạn từ giáp ranh xã Xuân Lộc đến giáp Trường Tiểu học xã Xuân Bình	1,1	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn còn lại	1,1	1,1	1,0	1,0
2.2	Đường GTNT Xuân Bình-Xuân Hải: Đoạn từ giáp đường GTNT Chánh Lộc-Diêm	1,1	1,1	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Trường đến giáp cầu Xuân Bình-Xuân Hải				
2.3	Đường Chánh Lộc-Diêm Trường				
-	Đoạn tiếp giáp Quốc lộ 1A-giáp nhà ông Nguyễn Ngọc Anh	1,1	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ giáp nhà ông Nguyễn Ngọc Anh đến Trường Bùi Thị Xuân	1,1	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ giáp Trường Bùi Thị Xuân đến ngã tư đường Xuân Bình-Xuân Hải	1,1	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã tư đường Xuân Bình-Xuân Hải đến giáp đầm Cù Mông	1,1	1,1	1,0	1,0
2.4	Đường lên hồ chứa nước Xuân Bình				
-	Đoạn tiếp giáp Quốc lộ 1A đến hết khu quy hoạch phân lô khu dân cư	1,1	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn giáp khu quy hoạch đến hồ Xuân Bình	1,1	1,1	1,0	1,0
2.5	Đường GTNT Bình Thạnh-Đá Giăng				
-	Đoạn bê tông hóa	1,1	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn còn lại	1,1	1,1	1,0	1,0
2.6	Các đường, đoạn đường còn lại đã được bê tông hóa trong xã				
-	Khu vực 1	1,1	1,1	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,1	1,1	1,0	1,0
2.7	Các đường, đoạn đường còn lại là đường đất trong xã				
-	Khu vực 1	1,1	1,1	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,1	1,1	1,0	1,0
3	Xã Xuân Hải				
3.1	Quốc lộ 1D				
-	Đoạn từ giáp ranh tỉnh Bình Định đến giáp Trạm cấp nước xã Xuân Hải	1,1	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ Trạm cấp nước xã Xuân Hải đến giáp Chi nhánh NHNN xã Xuân Hải)	1,1	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn còn lại	1,1	1,1	1,0	1,0
3.2	Đường bê tông GTNT xã Xuân Hải: Đoạn từ thôn 1 đến giáp thôn 5 (từ nhà ông Trần Quý Dạn đến nhà ông Nguyễn Văn Đê)	1,1	1,1	1,0	1,0
3.3	Đường GTNT Xuân Hải-Xuân Bình: Đoạn từ giáp QL 1D đến giáp cầu Xuân Bình-Xuân Hải	1,1	1,1	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
3.4	Khu dân cư Xuân Hải (giai đoạn 1)				
-	Mặt tiếp giáp Quốc lộ 1D	1,0			
-	Đường rộng 20m	1,0			
-	Đường rộng 10m (94 lô tiếp giáp đường NH8, không tổ chức đấu giá, thu tiền sử dụng đất theo giá sàn cho các hộ dân bị triều cường và bị giải tỏa khi thực hiện dự án trên địa bàn xã	1,0			
3.5	Các đường, đoạn đường còn lại đã được bê tông hóa trong xã				
-	Khu vực 1				
+	Đoạn từ Quốc lộ 1D đến giáp đường bê tông GTNT thôn 3 (đất ông Bùi Thương)	1,1	1,1	1,0	1,0
+	Đoạn từ Quốc lộ 1D đến giáp đường bê tông GTNT thôn 4 (nhà ông Nguyễn Văn Lộc)	1,1	1,1	1,0	1,0
+	Đoạn từ Quốc lộ 1D đến giáp đường bê tông GTNT thôn 5 (nhà bà Trương Thị Màu)	1,1	1,1	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,1	1,1	1,0	1,0
3.6	Các đường, đoạn đường còn lại là đường đất trong xã				
-	Khu vực 1	1,1	1,1	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,1	1,1	1,0	1,0
4	Xã Xuân Hòa				
4.1	Quốc lộ 1D				
-	Đoạn từ UBND xã Xuân Hòa đến giáp đầu cầu Bình Phú	1,1	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn còn lại	1,1	1,1	1,0	1,0
4.2	Đường GTNT Hòa Phú-Hòa An	1,2	1,1	1,0	1,0
4.3	Khu dân cư Nam Hòa Phú-Hòa An				
-	Khu A				
+	Các lô tiếp giáp đường Hòa Phú-Hòa An	1,1			
+	Các lô tiếp giáp trục đường rộng 10m (khu A)	1,1			
+	Khu C (không tổ chức đấu giá, thu tiền sử dụng đất theo giá sàn cho các hộ dân bị triều cường trên địa bàn xã)	1,1			
-	Đường rộng 10m thuộc khu B từ lô số 31 đến lô số 47, không tổ chức đấu giá,	1,1			

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	thu tiền sử dụng đất theo giá sàn cho các hộ dân bị triều cường trên địa bàn xã				
-	Đường rộng 10m còn lại (khu B)	1,1			
4.4	Các đường, đoạn đường còn lại đã được bê tông hóa trong xã				
-	Khu vực 1	1,1	1,1	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,1	1,1	1,0	1,0
4.5	Các đường, đoạn đường còn lại là đường đất trong xã				
-	Khu vực 1	1,1	1,1	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,1	1,1	1,0	1,0
5	Xã Xuân Cảnh				
5.1	Quốc lộ 1A: Từ giáp ranh xã Xuân Bình đến giáp ranh xã Xuân Thịnh	1,1	1,1	1,0	1,0
5.2	Đường GTNT Hòa Mỹ-Hòa Hội-Hòa Lợi	1,1	1,1	1,0	1,0
5.3	Khu tái định cư Quốc lộ 1, đồng ông Nhó, xã Xuân Cảnh				
	Đường rộng 10m	1,0			
5.4	Các đường, đoạn đường còn lại đã được bê tông hóa trong xã				
-	Khu vực 1	1,1	1,1	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,1	1,1	1,0	1,0
5.5	Các đường, đoạn đường còn lại là đường đất trong xã				
-	Khu vực 1	1,1	1,1	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,1	1,1	1,0	1,0
6	Xã Xuân Thịnh				
6.1	Đường Quốc lộ 1A: Đoạn từ đầu xã Xuân Thịnh đến giáp ranh xã Xuân Phương	1,1	1,1	1,0	1,0
6.2	Đường GTNT Hòa Hiệp-Từ Nham				
-	Đoạn từ Quốc lộ 1A đến nhà ông Thơ	1,1	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ nhà ông Thơ đến cuối thôn Từ Nham	1,1	1,1	1,0	1,0
6.3	Đường GTNT Phú Dương-Vịnh Hòa: Đoạn từ ngã ba Phú Dương đến cuối thôn Vịnh Hòa	1,1	1,1	1,0	1,0
6.4	Đường từ đèo ông Két đến chợ trung tâm xã Xuân Thịnh	1,1	1,1	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
6.5	Khu dân cư Từ Nham (giai đoạn 1)				
-	Khu L1 và L3: Trục đường liên thôn Vũng Chèo-Từ Nham	1,0			
-	Khu L2 và L4: Trục đường rộng 10m (không tổ chức đấu giá, giao đất, thu tiền sử dụng đất theo giá sàn cho các hộ dân bị triều cường)	1,0			
6.6	Khu dân cư Phú Dương-Vịnh Hòa				
-	Điểm dân cư Phú Dương-Vịnh Hòa				
	Khu A2-1 và Khu A2-4	1,1			
-	Khu dân cư Phú Dương-Vịnh Hòa (giai đoạn 1, sau khi đầu tư hoàn thành)				
+	Khu B7-1				
	Đường rộng 12m (các lô số 3,5,7,9,12, không tổ chức đấu giá, giao đất, thu tiền sử dụng đất theo giá sàn cho các hộ dân bị giải toả khi thực hiện dự án trên địa bàn xã)	1,1			
	Đường rộng 16m (các lô số 1,15,16, không tổ chức đấu giá, giao đất, thu tiền sử dụng đất theo giá sàn cho các hộ dân bị giải toả khi thực hiện dự án trên địa bàn xã)	1,1			
+	Khu B1-2				
	Đường rộng 12m (không tổ chức đấu giá, giao đất, thu tiền sử dụng đất theo giá sàn cho các hộ dân bị triều cường)	1,1			
+	Khu B7-2				
	Đường rộng 12m (các lô số 2,4,6 và 8, không tổ chức đấu giá, giao đất, thu tiền sử dụng đất theo giá sàn cho các hộ dân bị triều cường)	1,1			
	Đường rộng 16m (các lô số 1,3,5 và 7, không tổ chức đấu giá, giao đất, thu tiền sử dụng đất theo giá sàn cho các hộ dân bị triều cường)	1,1			
+	Khu B 8-1				
	Đường rộng 12m (các lô số 3,5,7,9,11, 14,15, 16, 17 và 21, không tổ chức đấu giá, giao đất, thu tiền sử dụng đất theo giá sàn cho các hộ dân bị triều cường)	1,1			
	Đường rộng 16m (lô số 01, không tổ chức đấu giá, giao đất, thu tiền sử dụng đất theo	1,1			

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	giá sàn cho các hộ dân bị triều cường)				
+	Khu B 8-2				
	Đường rộng 12m (từ lô số 05 đến lô số 17, không tổ chức đấu giá, giao đất, thu tiền sử dụng đất theo giá sàn cho các hộ dân bị triều cường)	1,1			
	Đường rộng 16m (lô số 01 đến lô số 04, không tổ chức đấu giá, giao đất, thu tiền sử dụng đất theo giá sàn cho các hộ dân bị triều cường)	1,1			
+	Khu B 8-4				
	Đường rộng 12m (từ lô số 01 đến lô số 04, không tổ chức đấu giá, giao đất, thu tiền sử dụng đất theo giá sàn cho các hộ dân bị triều cường)	1,1			
	Trục đường rộng 16m (lô số 05 đến lô số 08, không tổ chức đấu giá, giao đất, thu tiền sử dụng đất theo giá sàn cho các hộ dân bị triều cường)	1,1			
+	Khu B3-2				
	Đường rộng 12m (các lô 6,8,10,12,14, 16,18,20,22,24 và 26, không tổ chức đấu giá, giao đất, thu tiền sử dụng đất theo giá sàn cho các hộ dân nghèo chưa có đất ở tại địa phương)	1,1			
	Đường rộng 20m	1,1			
	Đường rộng 16m, các lô còn lại	1,1			
	Đường rộng 12m, các lô còn lại	1,1			
6.7	Khu tái định cư Quốc lộ 1, thôn Hòa Hiệp, xã Xuân Thịnh (bổ sung mới)				
	Đường rộng 10m	1,1			
6.8	Các đường, đoạn đường còn lại đã được bê tông hóa trong xã				
-	Khu vực 1	1,1	1,1	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,1	1,1	1,0	1,0
6.9	Các đường, đoạn đường còn lại là đường đất trong xã				
-	Khu vực 1	1,1	1,1	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,1	1,1	1,0	1,0
7	Xã Xuân Phương				
7.1	Quốc lộ 1A: Đoạn từ giáp ranh xã Xuân Thịnh đến giáp ranh Phường Xuân Yên	1,1	1,1	1,0	1,0
7.2	Đường GTNT Trung Trinh-Vũng La	1,1	1,1	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
7.3	Khu dân cư Phú Mỹ				
-	Đường Trung Trinh-Vũng La	1,1			
-	Đường rộng 6m	1,1			
-	Đường rộng 4,5m	1,1			
7.4	Các đường, đoạn đường còn lại đã được bê tông hóa trong xã				
-	Khu vực 1	1,1	1,1	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,1	1,1	1,0	1,0
7.5	Các đường, đoạn đường còn lại là đường đất trong xã				
-	Khu vực 1	1,1	1,1	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,1	1,1	1,0	1,0
8	Xã Xuân Thọ I				
8.1	Quốc lộ 1A				
-	Đoạn từ đỉnh dốc Găng (giáp đường bê tông lên Cao Phong) đến giáp Nam tuyến tránh Quốc lộ 1A	1,1	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ Nam tuyến tránh Quốc lộ 1A đến giáp Bắc cầu Huyện	1,1	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ Nam cầu Huyện đến cột mốc ranh giới Xuân Thọ 2	1,1	1,1	1,0	1,0
8.2	Khu tái định cư Quốc lộ 1, Chánh Nam-Nhiêu Hậu, xã Xuân Thọ 1				
-	Đường N2, rộng 10m	1,0			
-	Đường N1, rộng 12m	1,0			
-	Đường N3, N4, N5, N6, rộng 10m	1,0			
8.3	Các đường, đoạn đường còn lại đã được bê tông hóa hoặc láng nhựa trong xã				
-	Khu vực 1	1,1	1,1	1,0	1,0
-	Khu vực 2				
+	Đoạn từ QL1A đến cầu cây Duối	1,1	1,1	1,0	1,0
+	Các đường, đoạn đường còn lại	1,1	1,1	1,0	1,0
8.4	Các đường, đoạn đường còn lại là đường đất trong xã				
-	Khu vực 1	1,1	1,1	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,1	1,1	1,0	1,0
9	Xã Xuân Thọ II				

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
9.1	Quốc lộ 1 A: Đoạn từ cột mốc ranh giới Xuân Thọ 1 đến giáp ngã ba Triều Sơn	1,1	1,1	1,0	1,0
9.2	Đường ĐT642				
-	Đoạn từ Quốc lộ 1A đến giáp cầu Suối Đá (đoạn từ quốc lộ 1A đến giáp ngã ba trong)	1,1	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Suối Đá đến giáp cầu Suối Tre (đoạn từ ngã ba trong đến giáp chùa Triều Tôn)	1,1	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Suối Tre đến giáp huyện Đồng Xuân (đoạn từ chùa Triều Tôn đến giáp huyện Đồng Xuân)	1,1	1,1	1,0	1,0
9.3	Các đường, đoạn đường còn lại đã được bê tông hóa hoặc láng nhựa trong xã				
-	Khu vực 1	1,1	1,1	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,1	1,1	1,0	1,0
9.4	Các đường, đoạn đường còn lại là đường đất trong xã				
-	Khu vực 1	1,1	1,1	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,1	1,1	1,0	1,0
B	Vùng miền núi (01 xã)				
1	Xã Xuân Lâm				
1.1	Đường Phạm Văn Đồng: Đoạn từ Nam cầu vượt đến đỉnh dốc Găng (giáp đường bê tông lên Cao Phong)	1,2	1,1	1,0	1,0
1.2	Đường GTNT Cao Phong	1,1	1,0	1,0	1,0
1.3	Đường GTNT Long Phước	1,1	1,0	1,0	1,0
1.4	Đường giao thông đến Trung tâm xã: Đoạn từ giáp Nam cầu Tam Giang mới đến giáp suối Hàn	1,1	1,0	1,0	1,0
1.5	Đường ĐT644				
-	Đoạn từ giáp phường Xuân Phú đến Bãi tràn thôn Bình Nông	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Bãi tràn thôn Bình Nông đến giáp ranh huyện Đồng Xuân	1,1	1,0	1,0	1,0
1.6	Các đường, đoạn đường còn lại đã được bê tông hóa hoặc láng nhựa trong xã				
-	Khu vực 1	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
1.7	Các đường, đoạn đường còn lại là đường đất trong xã				

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
-	Khu vực 1	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
III	Huyện Tuy An (15 xã)				
A	Vùng đồng bằng (12 xã)				
1	Xã An Chấn				
1.1	Quốc lộ 1A				
-	Đoạn giáp ranh xã An Phú đến đường đất đi nhà ông Lê Xuân Thế	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường đất đi nhà ông Lê Xuân Thế đến giáp ranh xã An Mỹ	1,2	1,0	1,0	1,0
1.2	Đường cơ động ven biển				
-	Đoạn từ cầu Đồng Nai đến đường bê tông thôn Phú Quý	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường bê tông thôn Phú Quý đến giáp ranh xã An Mỹ	1,3	1,1	1,0	1,0
1.3	Đường xã lộ				
-	Đoạn từ đường sắt đến ngã ba (nhà Bà Hợp)	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba (nhà Bà Hợp) đến Biên	1,3	1,1	1,0	1,0
1.4	Các đường liên thôn				
-	Đường bê tông xi măng (từ HTXNN) đến giáp đường cơ động	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ khe nước bầu Đồng Nai đến công khu du lịch Bãi Xếp	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ ngã ba tiếp giáp đường bê tông hợp tác xã (nhà ông Cảnh) đến đường đi Núi Hùng	1,1	1,0	1,0	1,0
1.5	Các đường thôn				
-	Đường từ QL1A đi mỏ đá Phú Thạnh	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ ngã ba đi mỏ đá Phú Thạnh đến hết đường bê tông (Áp Lý)	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ ngã ba đường cơ động đến hết đường bê tông thôn Phú Phong	1,1	1,0	1,0	1,0
1.6	Đất khu trưng bày sản phẩm làng nghề An Chấn				
-	Tiếp giáp Quốc lộ 1A	1,3			
-	Tiếp giáp đường nội bộ	1,1			
1.7	Các đường, đoạn đường còn lại trong xã				
-	Khu vực 1	1,1	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
-	Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
2	Xã An Mỹ				
2.1	Quốc lộ 1A				
-	Đoạn từ giáp ranh xã An Chân đến giáp đường vào Trường Lê Thành Phương	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường vào Trường Lê Thành Phương đến giáp ranh xã An Hòa	1,3	1,1	1,0	1,0
2.2	Đường ĐT643 (điều chỉnh tuyến)				
-	Đoạn từ QL1A đến hết nhà máy ô tô JRD	1,4	1,2	1,0	1,0
-	Từ nhà máy ô tô JRD đến ngã tư chính tuyến	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã tư chính tuyến-cầu Sắt đến giáp ranh xã An Thọ	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã tư chính tuyến đến giáp ranh xã An Thọ (đường cứu hộ-cứu nạn)	1,1	1,0	1,0	1,0
2.3	Đường cơ động ven biển				
-	Đoạn từ giáp ranh xã An Chân đến giáp ranh xã An Hòa	1,3	1,1	1,0	1,0
2.4	Các đường liên thôn				
-	Đường từ QL1A đến đường cơ động				
+	Đoạn từ QL1A đến Trạm y tế xã	1,4	1,2	1,0	1,0
+	Đoạn từ Trạm y tế xã đến đường cơ động	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đường từ Chợ cũ đến cầu Hàm và từ Chợ cũ đến Núi Một	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đường từ chợ Mới đi qua Trường Nguyễn Thái Bình đến cuối đường bê tông Xóm 5 thôn Hòa Đa	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đường từ Nhà hát nhân dân cũ đến ngã ba cuối xóm 4 thôn Phú Long	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đường từ ngã ba xóm 4 Phú Long đến ngã ba nhà ông Lê Thăng giáp sân vận động	1,1	1,0	1,0	1,0
2.5	Đoạn đường xung quanh chợ An Mỹ	1,5			
2.6	Đường từ ngã ba Giai Sơn đến giáp thôn Hội Sơn-An Hòa	1,2	1,0	1,0	1,0
2.7	Đường từ ngã ba Giai Sơn đến Trường Tiểu học số 2	1,1	1,0	1,0	1,0
2.8	Khu vực xung quanh Sân vận động	1,1			
2.9	Đường từ Quốc lộ 1 đến cuối xóm Mới thôn Hòa Đa	1,1	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
2.10	Các đường, đoạn đường còn lại trong xã				
-	Khu vực 1	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
3	Xã An Hòa				
3.1	Quốc lộ 1A				
-	Đoạn từ giáp An Mỹ đến phía Bắc cầu Chùa Hang	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ phía Bắc cầu Chùa Hang đến giáp ranh xã An Hiệp	1,3	1,1	1,0	1,0
3.2	Đường cơ động ven biển				
-	Đoạn từ giáp An Mỹ đến phía Bắc chợ Diêm Hội	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường phía Bắc chợ Diêm Hội đến giáp An Hải	1,3	1,1	1,0	1,0
3.3	Đường từ ngã ba Phú Diêm đi Hội Sơn				
-	Đoạn từ QL1A đến cầu Suối Ré	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Suối Ré đến giáp đường cơ động	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường cơ động đến Bến xe Nhơn Hội	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ Bến xe Nhơn Hội đến công chào thôn Hội Sơn (giáp An Mỹ)	1,4	1,2	1,0	1,0
3.4	Các đường liên thôn				
-	Đường từ ngã ba chợ Yên đến Hội trường thôn Phú Thường				
+	Đoạn từ ngã ba Chợ Yên đến công chào thôn Phú Thường	1,2	1,1	1,0	1,0
+	Đoạn từ công chào thôn Phú Thường đến Hội trường thôn Phú Thường	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đường từ ngã ba đường bê tông thôn Diêm Hội đến cuối đường thôn Diêm Hội	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ ngã ba công chùa Linh Sơn đến hết thôn Tân Hòa	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ ngã ba thôn Nhơn Hội đến Lăng Ông thôn Nhơn Hội	1,2	1,1	1,0	1,0
3.5	Khu dân cư Tân An				
-	Đường rộng > 16m	1,3			
-	Đường rộng 10m	1,2			
-	Đường rộng 9m	1,2			

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
-	Đường rộng 7,5m	1,2			
-	Đường rộng 6m	1,2			
3.6	Khu tái định cư đồng Gia Điền				
-	Đường số 3 rộng 9m	1,4			
-	Đường số 2 rộng 12m	1,3			
-	Đường số 1 rộng 12m	1,4			
3.7	Các đường còn lại trong xã				
-	Khu vực 1	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
4	Xã An Hải				
4.1	Đường cơ động ven biển				
-	Đoạn từ giáp ranh xã An Hoà đến Trụ sở UBND xã (cũ)	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ Trụ sở UBND xã (cũ) đến nam cầu An Hải	1,3	1,1	1,0	1,0
4.2	Từ Đường cơ động ven biển đến chợ thôn Xuân Hòa	1,1	1,0	1,0	1,0
4.3	Đường liên thôn				
-	Ngã ba Tân Qui đi Phước Đồng (đường nhựa)	1,2	1,0	1,0	1,0
4.4	Các đường còn lại trong xã				
-	Khu vực 1	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
5	Xã An Hiệp				
5.1	Quốc lộ 1A				
-	Đoạn từ giáp ranh xã An Hòa đến giáp phía Bắc đường lên Mộ Lê Thành Phương	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ phía Bắc đường lên Mộ Lê Thành Phương đến giáp ranh xã An Cư	1,3	1,1	1,0	1,0
5.2	Quốc lộ 1A đi Phước Hậu				
-	Đoạn giáp QL1A đến cầu Cây Gạo thôn Phong Phú	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Cây Gạo đến ngã ba Đá Bàn thôn Phước Hậu	1,1	1,0	1,0	1,0
5.3	Đường từ An Hiệp đi An Lĩnh				
-	Đoạn từ QL 1A đến hết phân Trường TH Tuy Dương	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ phân Trường TH Tuy Dương	1,1	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	đến giáp ranh xã An Lĩnh				
5.4	Đường xung quanh chợ Phiên Thứ mới	1,2			
5.5	Đường từ QL 1A đi Đầm Ô Loan				
-	Đoạn từ QL1A đến cầu đường sắt	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu đường sắt đến giáp ranh xã An Cư	1,1	1,0	1,0	1,0
5.6	Tái định cư đồng Cây Gạo				
-	Đường số 1	1,1			
-	Đường số 2	1,1			
-	Đường số 3, 6	1,1			
-	Đường số 4, 5	1,1			
5.7	Tái định cư đồng Cây Đông	1,1			
5.8	Các đường còn lại trong xã				
-	Khu vực 1	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
6	Xã An Cư				
6.1	Quốc lộ 1A				
-	Đoạn từ giáp ranh xã An Hiệp đến công qua đường QL1A (đường vào nhà ông Phạm Tấn Đức)	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ công qua đường QL1A (đường vào nhà ông Phạm Tấn Đức) đến đỉnh dốc Chùa	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ đỉnh Dốc Chùa đến giáp thôn Phước Lương	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ giáp Phước Lương đến đường đi Đồng Cháy	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường đi Đồng Cháy đến giáp ranh thị trấn Chí Thạnh	1,3	1,1	1,0	1,0
6.2	Đường từ QL1A đến công cụm Công nghiệp Tam Giang	1,3	1,1	1,0	1,0
6.3	Cụm Công Nghiệp Tam Giang				
-	Đường rộng 15m	1,2			
-	Đường rộng 14m	1,2			
-	Khu dịch vụ tiếp giáp QL1 (mới)	1,3			
6.4	Các đường liên thôn				
-	- Đường từ QL1A đến ngã ba Xóm Chuối				
+	Đoạn từ QL1A đến ngã ba đường đi liên	1,4	1,1	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	xã (nhà bà Ngọt)				
+	Đoạn từ ngã ba đường đi liên xã (nhà bà Ngọt) đến Trường Môm cũ (nhà ông Lục)	1,2	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ trường Môm cũ (nhà ông Lục) đến ngã ba Xóm Chuối	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ QL1A đến nhà thờ Đồng Cháy				
+	Đoạn từ QL1A (Phước Lương) đến đường sắt	1,1	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ đường sắt đến nhà thờ Đồng Cháy	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ công thôn Tân Long đến giáp đường ven đầm				
+	Đoạn từ công thôn Tân Long đến công ông Thượng	1,1	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ công ông Thượng đến công (nhà ông Nghi)	1,1	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ công (nhà ông Nghi) đến giáp đường ven đầm	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ công thôn Tân Long đến giáp ranh xã An Ninh Đông				
+	Đoạn từ công thôn Tân Long-xóm Đá đến chùa Phước Đồng	1,1	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ chùa Phước Đồng đến giáp ranh xã An Ninh Đông	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ ngã ba đường dẫn cầu Long Phú đến nhà ông Thành				
+	Đoạn từ ngã ba đường dẫn cầu Long Phú đến nhà ông Suông	1,1	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ nhà ông Suông đến ngã ba nhà ông Thành	1,1	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ nhà ông Thành đến giáp ranh xã An Hiệp	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đường xung quanh xóm gỗ	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ Trường Tiểu học đến Gò Giám	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ chợ Phú Tân đến hết khu dân cư Hòa Thạnh	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ ngã tư đến Trường Mẫu giáo đội 5	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ nhà ông Vàng đến Hòa Tú	1,1	1,0	1,0	1,0
6.5	Khu qui hoạch dân cư thôn Phú Tân				
-	Đường rộng 10m	1,2			

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
-	Đường rộng 8m	1,2			
-	Đường rộng 6m	1,1			
6.6	Khu tái định cư thôn Phú Tân 2				
-	Đường rộng 9m (giáp QL1)	1,1			
6.7	Khu tái định cư Gò Điều				
-	Đường số 4, rộng 9m	10			
-	Đường số 1, rộng 12,5m	1,0			
-	Đường số 2, 3 rộng 12,5m	1,0			
-	Đường số 5, rộng 12,5m	1,0			
6.8	Đường liên xã				
-	Đường từ ngã ba đường liên xã (nhà bà Ngọt) đến đường dẫn phía Nam cầu Long Phú	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ phía Bắc cầu Long Phú đến ngã ba đường đi xóm Đá	1,1	1,0	1,0	1,0
6.9	Các đường, đoạn đường còn lại trong xã				
-	Khu vực 1	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
7	Xã An Dân				
7.1	Quốc lộ 1A				
-	Đoạn từ phía Bắc cầu Ngân Sơn đến Nam cầu Nhân Mỹ	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ Bắc cầu Nhân Mỹ đến phía Bắc đường vào công thôn Bình Chính	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ phía Bắc đường vào công thôn Bình Chính đến giáp ranh TX.Sông Cầu	1,2	1,0	1,0	1,0
7.3	Khu tái định cư thôn Cần Lương				
-	Đường số 1	1,0			
-	Đường số 2, 3	1,0			
-	Đường số 4	1,0			
7.4	Khu tái định cư Đồng Đèo, thôn Cần Lương				
-	Đường số 1	1,0			
-	Đường số 1A	1,0			
-	Đường số 2 và số 6	1,0			
-	Đường số 3	1,0			
-	Đường số 4, 5 và 7	1,0			
7.5	Khu tái định cư đồng Cây Khế, thôn				

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Bình Chính				
-	Đường số 4	1,1			
-	Đường số 2 và số 5	1,1			
-	Đường số 1 và số 3	1,1			
7.6	Đường xã lộ				
-	Đoạn từ QL 1A (Phú Mỹ) đến ngã ba Cây Da	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba Cây Da đến cầu An Thổ	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu An Thổ đến Trường Tiểu học số 2	1,2	1,0	1,0	1,0
7.7	Các đường liên thôn				
-	Đoạn từ công chào thôn Long Uyên đến Trụ sở thôn Long Uyên	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ chùa Thanh Long đến công chào Mỹ Long	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ công chào Mỹ Long đến giáp ranh xã Xuân Sơn Bắc	1,1	1,0	1,0	1,0
7.8	Các đường, đoạn đường còn lại trong xã				
-	Khu vực 1	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
8	Xã An Thạch				
8.1	Đường QL 1A-Gành Đá Đĩa				
-	Đoạn từ cầu Lò Gôm đến công Sơn Chà (giáp An Ninh Tây)	1,3	1,0	1,0	1,0
8.2	Đường ngã ba Bà Ná đến đèo Đăng				
-	Đoạn từ ngã ba Bà Ná đến công văn hoá thôn Phú Thịnh	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ công thôn Phú Thịnh đến Đèo Đăng	1,1	1,0	1,0	1,0
8.3	Đường từ cầu Lò Gôm đến hết đường bê tông thôn Hà Yên				
-	Đoạn từ cầu Lò Gôm đến bờ đê thôn Quảng Đức	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ bờ đê thôn Quảng Đức đến cuối đường bê tông thôn Hà Yên	1,1	1,0	1,0	1,0
8.4	Các đường, đoạn đường còn lại trong xã				
-	Khu vực 1	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
9	Xã An Ninh Tây				

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
9.1	Đường quốc lộ 1A-Gành Đá Đĩa				
-	Đoạn từ công Sơn Chà đến ngã ba đi Hội Phú	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba đi Hội Phú đến giáp ranh xã An Ninh Đông	1,4	1,1	1,0	1,0
9.2	Các đường liên thôn				
-	Đường từ chợ Thủy đến ngã ba xóm Giã	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đường từ chợ Thủy đến ngã ba cuối thôn Tiên Châu-Bình Thạnh	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đường từ dốc Bà Tron đến cảng cá thôn Tiên Châu	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đường từ ngã ba Đội thuê đến tiếp giáp đường vào chùa Hưng Thiện	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ ngã ba cây xăng HTXNN đến cửa Bà Chỉ	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ ngã ba cuối thôn Tiên Châu đến công thôn Bình Thạnh (cầu gỗ)	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ ngã ba xóm Giã đến Bến Cá cũ thôn Tiên Châu	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ ngã ba cuối thôn Tiên Châu đến dốc Miếu Bình Thạnh	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ ngã ba Bà Thung đến bờ tràn Sơn Chà thôn Diêm Điền	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ ngã ba Cảng cá Tiên Châu đi cầu gỗ Bình Thạnh (đường nội bộ vùng nuôi tôm)	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ công Trường Tiểu học số 1 đến nhà ông Chút, Xuân Phú	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ nhà ông Cương đến nhà bà Cúc, Xuân Phú (khu vực chợ Giã)	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba cầu Lầm đến nhà ông Mỹ, Hội Phú	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba Trạm xá đến Trường Tiểu học số 2, Tiên Châu	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Bưu điện đến nhà ông Tâm, Xuân Phú	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba sân kho Cây Khế đến nhà ông Đường (đội 3)	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Nhà trẻ Hội Phú đến đường liên xã	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường liên xã đến khu tái định cư (đội 17-Diêm Điền)	1,1	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
-	Đoạn từ đường bê tông Hội Phú (cây Gòn) đến cầu gỗ Bình Thạnh	1,1	1,0	1,0	1,0
9.3	Khu dân cư Đông Thủy-Tiên Châu				
-	Đường số 1 rộng 16 m	1,0			
-	Đường số 2 rộng 10 m	1,0			
-	Đường số 3 rộng 10 m	1,0			
-	Đường số 4 rộng 10 m	1,0			
9.4	Các đường, đoạn đường còn lại trong xã				
-	Khu vực 1	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
10	Xã An Ninh Đông				
10.1	Đường quốc lộ 1A-Gành Đá Đĩa				
-	Đoạn từ giáp ranh xã An Ninh Tây đến ngã ba đường đi đèo biển	1,4	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba đường đi đèo biển đến giáp thôn Phú Hạnh	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ giáp thôn Phú Hạnh đến Gành Đá Đĩa	1,2	1,1	1,0	1,0
10.2	Đường phía Bắc cầu An Hải				
-	Đoạn từ ngã ba đi Gành Đá Đĩa (trường Ngô Mây) đến Bắc cầu An Hải	1,2	1,1	1,0	1,0
10.3	Các đường liên thôn				
-	Đường từ công bộ 6 đến cuối Bãi Bàng				
+	Đoạn từ ngã ba công bộ 6 đến đỉnh dốc Đá Đen thôn 5	1,2	1,1	1,0	1,0
+	Đoạn từ đỉnh dốc Đá Đen đến giáp cuối xóm 9 thôn 6	1,1	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ nhà ông Bình đến nhà bà Hương (thôn 5)	1,1	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ Trạm y tế xã đến nhà ông Biện Minh Hùng thôn 5	1,1	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ nhà ông Bích đến nhà ông Lệ thôn 5	1,1	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ ngã ba đường đi đèo biển đến đỉnh đèo thôn 7	1,1	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ ngã ba nhà bà Lượng đến nhà ông Nhứt thôn 5	1,1	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ ngã ba nhà ông Cảnh đến nhà ông Hiệp thôn 6	1,1	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ công chào thôn số 2 đến nhà	1,1	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	ông Dân thôn 6				
+	Đoạn từ công chào số 2 thôn 6 đến cuối Bãi Bàng	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ ngã ba đường 773 đến cuối đường thôn 7				
+	Đoạn từ ngã ba đường 773 thôn 7 đến giáp Miếu thôn 7	1,1	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ Miếu thôn 7 đến cuối đường thôn 7	1,1	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ Miếu thôn 7 đến Khu tái định cư Lễ Thịnh	1,1	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ ngã ba xóm Cát đường 773 đến nhà ông Lê Hãn thôn 7	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ ngã ba Mả Đạo đến bến đò thôn 8				
+	Đoạn từ ngã ba Mả Đạo đến Cầu Am	1,1	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ Cầu Am đến bến đò thôn 8	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ HTXNN Nam An Ninh đến giáp An Cư	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ chợ Đăng cũ thôn 8 đến giáp ngã ba đường 773	1,1	1,0	1,0	1,0
10.4	Các đường, đoạn đường còn lại trong xã				
-	Khu vực 1	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
11	Xã An Định				
11.1	Đường ĐT641				
-	Đoạn từ đình Đèo Thị đến công chân Đèo Thị (nhà ông Tiễn)	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ công chân Đèo Thị đến ranh giới huyện Đông Xuân	1,2	1,0	1,0	1,0
11.2	Đường ĐT650: Đoạn từ cầu Cây Cam đến giáp ranh xã An Nghiệp	1,2	1,0	1,0	1,0
11.3	Đường Hòn Đồn đi An Lĩnh: Từ đường sắt đến cầu Bà Chứa	1,1	1,0	1,0	1,0
11.4	Các đường liên thôn				
-	Đường từ đường ĐT641 đến khu dân cư (Trường Tiểu học cũ)	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đường giáp thị trấn Chí Thạnh (cầu Ngân Sơn) đi đến Trường Tiểu học cũ	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đường ĐT641 (thôn Phong Hậu) đến	1,1	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	ngã ba đi Long Hòa				
11.5	Các đường, đoạn đường còn lại trong xã				
-	Khu vực 1	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
12	Xã An Nghiệp				
12.1	Đường ĐT650				
-	Đoạn từ giáp ranh xã An Định đến trảng (cũ) vùng 9 An Nghiệp	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ trảng (cũ) vùng 9 An Nghiệp đến cầu Ông Tài	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Ông Tài đến giáp ranh xã An Xuân	1,2	1,0	1,0	1,0
12.2	Đường Hòn Đồn đi An Lĩnh				
-	Đoạn từ giáp xã An Định đến công Cây Đông	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ công Cây Đông đến giáp ranh xã An Lĩnh	1,1	1,0	1,0	1,0
12.3	Các đường liên thôn				
-	Đường từ ĐT650 đến vùng 3 An Nghiệp				
+	Đoạn từ ĐT650 đến công Lập Lăng	1,1	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ công Lập Lăng đến ngã ba vùng 3 An Nghiệp	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ ĐT650 (ngã ba vùng 10) đến Hồ Đông Tròn	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ cầu hồ Đông Tròn đến đập Thế Hiện	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đường đi vùng 12, vùng 13				
+	Đoạn từ đường ĐT650 đến ngã ba nhà ông Tăng Ngọc Châu	1,1	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ nhà ông Tăng Ngọc Châu đến khu dân cư vùng 13	1,1	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ nhà ông Tăng Ngọc Châu đến khu dân cư vùng 12	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ ĐT650 đến Hóc Bò				
+	Đoạn từ ĐT650 đến công vôi vùng 9	1,1	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ công vôi vùng 9 đến bờ cao nhà ông Chương	1,1	1,0	1,0	1,0
12.4	Đường liên thôn, xóm				
+	Đoạn từ ngã ba phân Trường Tiểu học Định Phong đến sân kho vùng 4, thôn Định Phong	1,1	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
+	Đoạn từ cổng Cây Đông đến khu dân cư Trảng Đé	1,1	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ khu dân cư Trảng Đé đến cuối xóm Hóc Lá, vùng 2A, thôn Định Phong	1,1	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ ngã Bản Tin thôn Thê Hiên đến Đập Thê Hiên	1,1	1,0	1,0	1,0
12.5	Các đường, đoạn đường còn lại trong xã				
-	Khu vực 1	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
B	Xã Miền Núi (3 xã)				
1	Xã An Thọ				
1.1	Đường ĐT643				
-	Đoạn từ giáp ranh xã An Mỹ đến cuối xóm Đất Cày thôn Tân Lập	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cuối thôn Tân Lập đến giáp Sơn Hòa	1,1	1,0	1,0	1,0
1.2	Các đường xã lộ				
-	Đường từ dốc Súc thôn Phú Cản đến đầu dốc Lầy thôn Phú Cản	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ Chòm Bắc thôn Phú Cản đến cầu Lô Găng thôn Phú Mỹ	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ Trảng Hòn Gió đến cuối thôn Lam Sơn	1,0	1,0	1,0	1,0
1.3	Các đường, đoạn đường còn lại trong xã				
-	Khu vực 1	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
2	Xã An Xuân				
2.1	Đường ĐT650				
-	Đoạn từ giáp ranh xã An Nghiệp đến đầu thôn Xuân Yên	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ thôn Xuân Yên đến đường vào UBND xã	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường vào UBND xã đến Sơn Hòa	1,0	1,0	1,0	1,0
2.2	Các đường liên thôn				
-	Đường từ ĐT650 đến cuối thôn Xuân Trung				
+	Đoạn giáp đường ĐT650 (từ UBND xã) đến đầu thôn Xuân Trung	1,0	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ NVH thôn Xuân Trung đến	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	cuối thôn Xuân Trung				
-	Đường từ nhà văn hóa thôn Xuân Hòa đến nhà ông Ninh	1,0	1,0	1,0	1,0
2.3	Các đường, đoạn đường còn lại trong xã				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Xã An Lĩnh				
3.1	Đường Hòn Đòn đi An Lĩnh: Đoạn từ giáp ranh xã An Nghiệp đến UBND xã An Lĩnh	1,0	1,0	1,0	1,0
3.2	Đường liên xã: Đoạn từ đầu chợ Phong Thái đi Giếng Đông-An Nghiệp	1,0	1,0	1,0	
3.3	Các đường liên thôn				
-	Đường từ công thôn Phong Lãnh đến dốc Chùa thôn Phong Lãnh (giáp Long Đức Chí Thạnh)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ đầu thôn Phong Thái đến cuối thôn Quang Thuận	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ ngã ba Hòn Dung thôn Thái Long đến xóm Giồng sắt thôn Vĩnh Xuân	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ đầu xóm Gò đến cuối xóm Tiếng thôn Tư Thạnh	1,0	1,0	1,0	1,0
3.4	Các đường, đoạn đường còn lại trong xã				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
IV	Huyện Phú Hòa (8 xã)				
A	Vùng đồng bằng (7 xã)				
1	Xã Hòa An				
1.1	Quốc lộ 25				
-	Đoạn từ ranh giới thành phố Tuy Hòa đến ngã ba QL25-tỉnh lộ 7 (cũ)	1,2	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba QL25-tỉnh lộ 7 (cũ) đến Quốc lộ 1A	1,2	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ QL1A đến ranh giới xã Hòa Thắng	1,0	1,0	1,0	1,0
1.2	Xã lộ 21				
-	Đoạn từ ranh giới Bình Ngọc đến Quốc lộ 1A	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Quốc lộ 1A đến cầu ông Nhân	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu ông Nhân đến ranh giới xã	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Hòa Thắng				
1.3	Tỉnh lộ 7: Đoạn từ ranh giới Bình Ngọc đến QL25	1,0	1,0	1,0	1,0
1.4	Xã lộ 22: Đoạn từ ranh giới Bình Ngọc-Hòa An đến ranh giới xã Hòa Trị	1,2	1,1	1,0	1,0
1.5	Đường liên xã Hòa An-Hòa Thắng-thị trấn Phú Hòa				
-	Đoạn từ Quốc lộ 25 đến ngã tư xã lộ 21	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã tư xã lộ 21 đến QL1A	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ QL1A đến ranh giới xã Hòa Thắng	1,0	1,0	1,0	1,0
1.6	Đường liên thôn Phú Ân-Vĩnh Phú				
-	Đoạn từ Quốc lộ 25 đến cầu ông Nhân	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu ông Nhân đến đường liên xã Hòa An, Hòa Thắng, thị trấn Phú Hòa	1,0	1,0	1,0	1,0
1.7	Đường từ Quốc lộ 25 (cầu số 4) đến ranh giới xã Hòa Trị	1,0	1,0	1,0	1,0
1.8	Các đường, đoạn đường còn lại trong xã				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Xã Hòa Thắng				
2.1	Quốc lộ 25				
-	Đoạn từ giáp ranh giới xã Hòa An đến trụ Km8	1,2	1,2	1,2	1,2
-	Đoạn từ trụ Km8 đến trụ Km9	1,3	1,3	1,3	1,3
-	Đoạn từ trụ Km9 đến giáp ranh giới thị trấn Phú Hòa	1,2	1,2	1,2	1,2
2.2	Xã lộ 21: Đoạn từ ranh giới Hòa An đến Quốc lộ 25	1,0	1,0	1,0	1,0
2.3	Xã lộ 25: Đoạn từ Quốc lộ 25 đến ranh giới xã Hòa Định Đông	1,0	1,0	1,0	1,0
2.4	Đường liên xã Hòa An-Hòa Thắng-thị trấn Phú Hòa: Đoạn từ ranh giới Hòa An-Hòa Thắng đến ranh giới Hòa Thắng-thị trấn Phú Hòa	1,2	1,2	1,2	1,2
2.5	Đường liên xã Hòa Thắng-Hòa Trị: Đoạn từ cầu Đông Lộc đến ranh giới xã Hòa Trị	1,2	1,2	1,2	1,2
2.6	Các đường, đoạn đường còn lại trong xã				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
3	XÃ HÒA ĐỊNH ĐÔNG				
3.1	Xã lộ 25: Đoạn từ ranh giới xã Hòa Thắng đến ranh giới xã Hòa Quang Nam	1,5	1,2	1,2	1,2
3.2	Đường vào làng nghề bún Định Thành từ đường xã lộ 25 đến xóm Bún	1,3	1,2	1,2	1,2
3.3	Đường ô tô đến trung tâm xã Hòa Định Đông từ kênh N1 đến cầu ông Chung	1,3	1,2	1,2	1,2
3.4	Đường liên xã Hòa Quang Nam-Hòa Quang Bắc-Hòa Định Đông: Đoạn từ ranh giới Hòa Quang Nam đến thôn Định Thái	1,3	1,2	1,2	1,2
3.5	Các đường, đoạn đường còn lại trong xã				
-	Khu vực 1	1,3	1,2	1,2	1,2
-	Khu vực 2	1,3	1,2	1,2	1,2
4	Xã Hòa Định Tây				
4.1	Quốc lộ 25				
-	Đoạn từ ranh giới thị trấn Phú Hòa đến trụ Km22	1,5	1,2	1,2	1,2
-	Đoạn từ trụ Km22 đến ranh giới xã Hòa Hội	1,5	1,2	1,2	1,2
4.2	Đường liên thôn Cẩm Thạch-Phú Sen	1,4	1,1	1,1	1,1
4.3	Đường bờ vùng hàng dừa	1,4	1,1	1,1	1,1
4.4	Đường từ cầu UBND xã đến đường liên thôn Cẩm Thạch, Phú Sen	1,4	1,1	1,1	1,1
4.5	Đường bờ vùng sân kho 3 từ Quốc lộ 25 đến đường liên thôn	1,2	1,1	1,1	1,1
4.6	Đường bờ vùng suối Bà Lượng từ Quốc lộ 25 đến đường liên thôn	1,1	1,0	1,0	1,0
4.7	Các đường còn lại trong xã				
-	Khu vực 1	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
5	Xã Hòa Trị				
5.1	Xã lộ 22				
-	Đoạn từ ranh giới xã Hòa An đến cầu chui thôn Phước Khánh	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu chui thôn Phước Khánh đến UBND xã Hòa Trị	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ UBND xã Hòa Trị đến ranh giới xã Hòa Quang Nam	1,3	1,2	1,2	1,2

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
5.2	Đường liên xã Hòa Thắng-Hòa Trị: Đoạn từ xã lộ 22 đến ranh giới xã Hòa Thắng	1,8	1,2	1,2	1,2
5.3	Đường liên xã Hòa Trị-Hòa Kiên: Đoạn từ xã lộ 22 đến ranh giới xã Hòa Kiên	1,1	1,1	1,1	1,1
5.4	Các đường, đoạn đường còn lại trong xã				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
6	Xã Hòa Quang Bắc				
6.1	Xã lộ 22				
-	Đoạn từ ranh giới xã Hòa Trị đến cây xăng Hòa Quang Nam	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ cây xăng Hòa Quang Nam đến chợ Hạnh Lâm+100m	1,6	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ chợ Hạnh Lâm+100m đến dốc Hào Hai	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ dốc Hào Hai đến giáp ranh giới khu NN ứng dụng công nghệ cao	1,2	1,1	1,0	1,0
6.2	Trục đường chính khu NN ứng dụng công nghệ cao (từ kênh N1 đến ngã ba bản tin diêm kinh tế mới)	1,2	1,1	1,0	1,0
6.3	Xã lộ 25				
-	Đoạn từ xã lộ 22 đến cầu vôi núi Miếu	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Vôi núi Miếu đến ranh giới kênh N1	1,2	1,0	1,0	1,0
6.4	Đường liên xã Hòa Quang Nam-Hòa Quang Bắc-Hòa Định Đông: Đoạn từ xã lộ 22 đi Bàu Tròn đến ranh giới xã Hòa Quang Nam	1,0	1,0	1,0	1,0
6.5	Các đường, đoạn đường còn lại trong xã				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
7	Xã Hòa Quang Nam				
7.1	Xã lộ 22				
-	Đoạn từ ranh giới Hòa Trị đến cây xăng Hòa Quang Nam	1,3	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cây xăng Hòa Quang Nam đến chợ Hạnh Lâm+100m	1,1	1,0	1,0	1,0
7.2	Xã lộ 25: Đoạn từ ranh giới Hòa Định Đông đến ranh giới xã Hòa Quang Bắc	1,1	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	đường liên xã Hoà Phong-Phú Nhiêu				
5.5	Đường liên xã Hoà Phong-Phú Nhiêu (Hòa Mỹ Đông)				
-	Đoạn từ cầu Hào Ba đến bia phía Bắc Núi Đất (điểm sinh hoạt dân cư Mỹ Thạnh Trung 2)	1,3	1,3	1,2	1,2
-	Đoạn còn lại	1,3	1,3	1,3	1,3
5.6	Các đoạn đường còn lại				
-	Khu vực 1	1,3	1,3	1,3	1,3
-	Khu vực 2	1,3	1,3	1,3	1,3
6	Xã Hòa Mỹ Đông				
6.1	Đường liên xã Phú Thuận-Mỹ Thành				
-	Đoạn từ cầu Đúc đến Trụ sở UBND xã Hòa Mỹ Đông	1,3	1,3	1,1	1,1
-	Đoạn từ Trụ sở UBND xã đến Trường Tiểu học số 2 (Vườn Thị)	1,1	1,2	1,1	1,1
-	Đoạn từ Trường Tiểu học số 2 (Vườn Thị) đến giáp xã Hòa Mỹ Tây	1,1	1,1	1,2	1,1
6.2	Đường từ Xuân Mỹ đến thôn Cảnh Tịnh, xã Hòa Thịnh: Đoạn từ ngã ba vườn Thị đến Trụ sở thôn Xuân Mỹ	1,2	1,1	1,2	1,2
6.3	Đường Xếp Thông-Núi Lá (giai đoạn 2): Đoạn từ ngã ba Trụ sở UBND xã Hòa Mỹ Đông đến Trường UNECEP (cũ)	1,1	1,0	1,0	1,0
6.4	Khu vực xung quanh chợ Phú Nhiêu	1,3			
6.5	Đường liên xã Phú Thứ-Hòa Thịnh				
-	Đoạn từ ranh giới xã Hòa Đông đến đường bê tông xi măng (Phú Thuận đi Phú Nhiêu)	1,2	1,2	1,1	1,1
-	Đoạn từ đường bê tông xi măng (Phú Thuận đi Phú Nhiêu) đến giáp xã Hòa Thịnh	1,2	1,2	1,1	1,1
6.6	Đường liên xã Phú Nhiêu-Hòa Phong				
-	Đoạn từ cửa hàng ông Nguyễn Văn Phú đến Trụ sở thôn Vạn Lộc	1,1	1,1	1,1	1,1
-	Đoạn từ Trụ sở thôn Vạn Lộc đến giáp xã Hòa Phong	1,3	1,1	1,1	1,1
6.7	Các đoạn đường còn lại				
-	Khu vực 1	1,1	1,1	1,1	1,1
-	Khu vực 2	1,1	1,1	1,2	1,1

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
5	Xã Ea Trol				
5.1	Đường ĐT649				
-	Đoạn từ ranh giới xã Ea Bia đến trảng buôn Thu	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ trảng buôn Thu đến cầu suối Ea Trol	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu suối Ea Trol đến giáp ranh giới xã Sông Hinh	1,0	1,0	1,0	1,0
5.2	Các đường, đoạn đường còn lại trong xã				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
6	Xã Sông Hinh				
6.1	Đường ĐT649: Đoạn từ ranh giới xã Ea Trol đến ranh giới tỉnh Đắk Lắk	1,0	1,0	1,0	1,0
6.2	Đoạn từ đường ĐT649 đi Suối Tre cũ				
6.3	Đoạn từ ĐT649 đến cuối Trường THCS xã Sông Hinh	1,0	1,0	1,0	1,0
6.4	Các đường, đoạn đường còn lại trong xã				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
7	Xã Ea Bar				
7.1	Quốc lộ 29 (ĐT645)				
-	Đoạn từ ranh giới thị trấn Hai Riêng đến ngã ba đi buôn Ken xã Ea Bá	1,0	1,0		
-	Đoạn từ ngã ba đi buôn Ken, Ea Bá đến UBND xã (trụ sở mới)	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Trụ sở UBND xã (mới) đến cầu buôn Chung	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Buôn Chung đến giáp ranh giới xã Ea Ly	1,2	1,0	1,0	1,0
7.2	Khu quy hoạch mới khu dân cư buôn Trinh				
-	Các đường rộng 14m (trừ đường sát với đường ĐT645)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Các đường và đoạn đường còn lại trong khu quy hoạch mới (rộng dưới 14m)	1,0	1,0	1,0	1,0
7.3	Các đường, đoạn đường còn lại trong xã				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
8	Xã Ea Ly				
8.1	Quốc lộ 29 (ĐT645)				
-	Đoạn từ cầu ranh giới xã EaBar đến tràn Thanh niên xung phong	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ tràn Thanh niên xung phong đến cầu Ea Ly	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Ea Ly đến ranh giới tỉnh Đắk Lắk (cầu Erong Reng)	1,1	1,0	1,0	1,0
8.2	Các đường, đoạn đường còn lại trong xã				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
9	Các xã Ea Bá và xã Ea Lâm				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
VIII	Huyện Sơn Hòa				
	Vùng miền núi (13 xã)				
1	Xã Sơn Hà				
1.1	Đường QL25				
-	Đoạn từ giáp ranh huyện Phú Hòa đến cột Km36	1,1	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ cột Km36 đến cầu Sông Con	1,1	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Sông Con đến ngã ba (giao đường vào thôn Thạnh Hội)	1,4	1,3	1,1	1,0
-	Đoạn đường từ ngã ba (giao đường vào thôn Thạnh Hội) đến đường vào chùa Phước Điền	1,4	1,2	1,1	1,0
-	Đoạn từ đường vào chùa Phước Điền đến ranh giới xã Suối Bạc	1,3	1,1	1,0	1,0
1.2	Đường ĐT648				
-	Từ giao QL25+100m về hướng Bắc	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ giao QL25+100m về hướng Bắc đến Trần Ngã 2	1,1	1,1	1,0	1,0
1.3	Các đường, đoạn đường còn lại trong xã				
-	Khu vực 1	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
1.4	Đường 24/3 (từ ranh giới thị trấn Củng Sơn đến Quốc lộ 25)	1,2	1,1	1,0	1,0
2	Xã Sơn Nguyên				

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
2.1	Đường ĐT648				
-	Đoạn từ cầu Ngã 2 đến hết UBND xã+150m	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ hết UBND xã+150m đến ranh giới xã Sơn Xuân	1,1	1,1	1,0	1,0
2.2	Đường đi từ thôn Nguyên An đi xã Suối Bạc				
-	Đoạn từ ngã ba (giao đường ĐT648) thôn Nguyên An đến hết khu dân cư thôn Nguyên Cam	1,1	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ hết khu dân cư thôn Nguyên Cam đến ranh giới xã Suối Bạc	1,1	1,0	1,0	1,0
2.3	Các đường, đoạn đường còn lại trong xã				
-	Khu vực 1	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
3	Xã Suối Bạc				
3.1	Quốc lộ 25				
-	Đoạn từ giáp ranh xã Sơn Hà đến trạm biến áp 35kV Tân Phú	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ trạm biến áp 35kV Tân Phú đến hết chợ Suối Bạc	1,5	1,3	1,1	1,0
-	Đoạn từ chợ Suối Bạc đến giao đường Suối Bạc 1	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ giao đường Suối Bạc 1 đến giao đường ĐT646+200m	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường ĐT646+200m đến giáp ranh xã Eacha Rang	1,1	1,1	1,0	1,0
3.2	Đường Trần Phú nối dài: Từ giáp ranh thị trấn Củng Sơn đến Quốc lộ 25				
-	Từ giáp ranh thị trấn Củng Sơn đến ngã tư (giao Quốc lộ 25)-200m	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã tư (giao QL25)-200m đến ngã tư (giao QL25)	1,5	1,2	1,0	1,0
3.3	Đường ĐT646 (nay là QL 29C)				
-	Đoạn từ giáp ranh thị trấn Củng Sơn đến Quốc lộ 25-200m	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ Quốc lộ 25-200m đến Quốc lộ 25+200m	1,4	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ Quốc lộ 25+200m đến ranh giới xã Sơn Phước	1,2	1,1	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
3.4	Đường Suối Bạc 1, Suối Bạc 2, Suối Bạc 3, Suối Bạc 4	1,3	1,1	1,0	1,0
3.5	Đường 24/3 (từ ranh giới thị trấn Củng Sơn đến QL25)				
-	Đoạn từ ranh giới thị trấn Củng Sơn đến ngã ba (giao đường Suối Bạc 3)-100m	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba (giao đường Suối Bạc 3)+100m đến QL25	1,3	1,1	1,0	1,0
3.6	Đường đi thôn Suối Bạc				
-	Đoạn từ ngã tư (giao QL25) đến hết ranh Trường Tiểu học Suối Bạc+200m	1,3	1,1		
-	Đoạn từ hết ranh Trường Tiểu học Suối Bạc+200m đến ngã ba (giao đường đi Hồ Bà Võ)+100m	1,2	1,1		
3.7	Các đường, đoạn đường còn lại trong xã				
-	Khu vực 1	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
4	Xã Sơn Phước				
4.1	Đường ĐT646				
-	Đoạn từ ranh giới xã Suối Bạc đến Cầu số 3	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ Cầu số 3 đến cầu Hiệp Lai	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Hiệp Lai đến hết ranh UBND xã+300 m	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ hết ranh UBND xã+300m đến ranh giới xã Sơn Hội	1,1	1,0	1,0	1,0
4.2	Các đường, đoạn đường còn lại trong xã				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Xã Eacha Rang				
5.1	Quốc lộ 25				
-	Đoạn từ ranh giới xã Suối Bạc đến cầu Suối Tre	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Suối Tre đến cầu Eacha Rang	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Eacha Rang đến ranh giới xã Krông Pa	1,1	1,0	1,0	1,0
5.2	Các đường, đoạn đường còn lại trong xã				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
6	Xã Krông Pa				
6.1	Quốc lộ 25				
-	Đoạn từ ranh giới xã Eacha Rang đến ngã tư-200 m	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã tư-200 m đến hết ranh Trường Trung học cơ sở	1,3	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ hết ranh Trường THCS đến cầu Cà	1,1	1,0	1,0	1,0
6.2	Các đường, đoạn đường còn lại trong xã				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
7	Xã Suối Trai				
-	Các đường, đoạn đường còn lại trong xã				
+	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
+	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
8	Xã Sơn Xuân				
8.1	Đường ĐT648				
-	Đoạn từ ranh giới xã Sơn Nguyên đến giáp UBND xã-100m	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ UBND xã-100m đến đầu dốc Đỏ	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ đầu dốc Đỏ đến ranh giới xã Sơn Long	1,1	1,1	1,0	1,0
8.2	Các đường, đoạn đường còn lại trong xã				
-	Khu vực 1	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
9	Xã Sơn Long				
9.1	Đường ĐT643				
-	Đoạn từ ngã ba (giao ĐT643 với đường tránh lũ Tuy An-Sơn Hòa) đến (ngã tư) giao ĐT648 và đường tránh lũ Tuy An-Sơn Hòa (cây xăng Vân Hòa) (Bảng giá đất năm 2014: Đoạn từ ranh giới huyện Tuy An đến hồ Vân Hòa)	1,1	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba (giao ĐT643 với đường tránh lũ Tuy An-Sơn Hòa-hồ Vân Hòa) đến hồ Suối Phèn (Bảng giá đất năm 2014: đoạn từ hồ Vân Hòa đến Hồ Suối Phèn)	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Từ hồ Suối Phèn đến (ngã 3) giao với đường tránh lũ Tuy An-Sơn Hòa (Bảng	1,2	1,1	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	giá đất năm 2014: đoạn từ hồ Suối Phèn đến hết ranh Trường Tiểu học)				
9.2	Đường tránh lũ Tuy An-Sơn Hòa				
-	Từ ranh giới huyện Tuy An đến ngã ba (giao ĐT643 với đường tránh lũ Tuy An-Sơn Hòa)	1,1	1,1	1,0	1,0
-	Từ ngã ba (giao ĐT643 với đường tránh lũ Tuy An-Sơn Hòa) đến ngã tư cây xăng Vân Hòa (giao ĐT643 với đường tránh lũ Tuy An-Sơn Hòa và ĐT648)	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Từ ngã tư cây xăng Vân Hòa (giao ĐT643 với đường tránh lũ Tuy An-Sơn Hòa và ĐT648) đến hồ Suối Phèn	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Từ hồ Suối Phèn đến ngã ba (giao ĐT643)	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba (giao ĐT643) đến hết khu dân cư xóm Phong Cao	1,1	1,1	1,0	1,0
-	Từ hết khu dân cư xóm Phong Cao đến ranh giới xã Sơn Định	1,1	1,1	1,0	1,0
9.2	Các đường, đoạn đường còn lại trong xã				
-	Khu vực 1	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
10	Xã Sơn Định				
10.1	Đường ĐT643				
-	Đoạn từ nhà thờ Bác Hồ đến ngã tư thôn Hòa Bình (-200 m)	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã tư thôn Hòa Bình-200m đến giao (ngã ba) đường tránh lũ Tuy An-Sơn Hòa	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ giao (ngã Ba) đường tránh lũ Tuy An-Sơn Hòa) đến ranh giới xã Sơn Hội	1,1	1,0	1,0	1,0
10.2	Đường ĐT 642				
-	Đoạn từ ngã tư thôn Hòa Bình-200m đến giao (ngã tư) với đường tránh lũ Tuy An Sơn Hòa)+200 m	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ giao (ngã tư) với đường tránh lũ Tuy An Sơn Hòa+200 m đến ngã ba thôn Hòa Thuận+100m	1,2	1,1	1,0	1,0
10.3	Đường tránh lũ Tuy An-Sơn Hòa				
-	Đoạn từ ranh giới xã Sơn Long đến ranh nhà thờ Bác Hồ	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ranh nhà thờ Bác Hồ đến ngã	1,3	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	ba (giao với ĐT643)				
10.4	Các đường, đoạn đường còn lại trong xã				
-	Khu vực 1	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
11	Xã Sơn Hội				
11.1	Đường ĐT 646:				
-	Đoạn từ ranh giới xã Sơn Phước đến Cổng qua đường (ruộng lúa nước)	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cổng qua đường (ruộng lúa nước) đến ngã tư Chợ Trà Kê	1,3	1,0	1,0	1,0
11.2	Đường DH58				
-	Đoạn từ ngã tư Chợ Trà Kê đến hết UBND xã	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ UBND xã đến giao đường DH59	1,1	1,0	1,0	1,0
11.3	Đường DH59				
-	Đoạn từ ngã tư chợ Trà Kê đến hết ranh nhà ông Ba Bình	1,3	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba (nhà ông Ba Bình) đến hết ranh UBND xã+200m	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ranh UBND xã+200m đến đường vào đập hồ Tân Lương	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường vào đập hồ Tân Lương đến cổng (ruộng lúa nước) qua đường	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cổng qua đường (ruộng lúa nước) đến ranh xã Phước Tân	1,0	1,0	1,0	1,0
11.4	Đường ĐT643				
-	Đoạn từ ngã tư Chợ Trà Kê đến ngã tư chợ Trà Kê+200m	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã tư Chợ Trà Kê+200m đến Trạm kiểm soát lâm sản của Ban quản lý rừng phòng hộ	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Trạm kiểm soát lâm sản của Ban quản lý rừng phòng hộ đến ranh giới xã Sơn Định	1,0	1,0	1,0	1,0
11.4	Các đường, đoạn đường còn lại trong xã				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
12	Xã Cà Lúi				

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
-	Các đường, đoạn đường trong xã				
+	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
+	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
13	Xã Phước Tân				
-	Các đường, đoạn đường trong xã				
+	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
+	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
IX	Huyện Đồng Xuân				
	Vùng miền núi (10 xã)				
1	Xã Xuân Long				
1.1	Đường ĐT641				
-	Đoạn từ dốc Hồ Ó (giáp thị trấn La Hai) đến Bi bà Thiết	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Bi bà Thiết đến cầu Hồ Chông (Long Thạch)	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Hồ Chông (Long Thạch) đến giáp xã Xuân Lãnh	1,1	1,0	1,0	1,0
1.2	Đường giao thông nông thôn				
-	Đoạn từ ĐT641 (từ ngã ba thôn Long Mỹ đến ngã ba ra Trạm bơm nước Long Mỹ	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba ra Trạm bơm nước Long Mỹ đến giáp Long Bình-thị trấn La Hai	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Trường Mẫu giáo đến nhà ông Phạm Ngọc Hậu	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ ĐT641 (Trụ sở UBND xã mới) đến nhà ông Phạm Ngọc Hậu	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Trụ sở thôn Long Hòa đến cầu Bà Đoi	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Trường Mẫu giáo thôn Long Hòa đến nhà ông Dương	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ nhà bà Nguyễn Thị Chín đến nhà ông Mai Văn Lượng	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ ngã ba (nhà ông Nguyễn Bảy) đến giáp xóm khâu thị trấn La Hai	1,0	1,0	1,0	1,0
1.4	Các đường, đoạn đường còn lại trong xã				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Xã Xuân Quang 2				

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
2.1	Đường La Hai-Đông Hội				
-	Đoạn từ giáp thị trấn La Hai đến Km3+804 (nhà ông Hồ Văn Sớ)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Km3+804 (nhà ông Hồ Văn Sớ) đến Trạm bơm Vực Lò	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Trạm bơm Vực Lò đến nhà quản lý nước thôn Phú Sơn	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ nhà quản lý nước thôn Phú Sơn đến giáp xã Xuân Quang 1	1,0	1,0	1,0	1,0
2.2	Đường giao thông nông thôn				
-	Đoạn đường từ ngã ba thôn Phước Huệ (nhà ông Võ Kim Sơn) đến ngã ba thôn Triêm Đức (nhà ông Đỗ Ngọc Nhờ)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Trường Tiểu học đến Công thôn văn hóa thôn Kỳ Đu	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Công thôn văn hóa thôn Kỳ Đu đến nhà máy chế biến đá ốp lát Tâm Tín	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn đường từ Bưu điện văn hóa đến chợ Đồng Tranh cũ	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ nhà ông Nguyễn Hữu Đính đến nhà ông Nguyễn Tấn Đại	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã tư nhà ông Nguyễn Tấn Đại đi Gò Cốc	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã tư (nhà ông Nguyễn Hữu Đính) đến trường Hoàng Văn Thụ	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ nhà ông Bình đến nhà ông Nguyễn Khắc Thành	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ nhà ông Phan Văn Thanh đến nhà ông Huỳnh Từ Ngọc Chấn	1,0	1,0	1,0	1,0
2.3	Khu dân cư mới Thôn Triêm đức	1,0			
2.4	Các đường, đoạn đường còn lại trong xã				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Xã Xuân Sơn Nam				
3.1	Đường ĐT 641				
-	Đoạn từ giáp ranh huyện Tuy An đến cầu bà Tâm	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu bà Tâm đến công Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	1,2	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
-	Đoạn từ cổng Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi đến giáp thị trấn La Hai	1,1	1,0	1,0	1,0
3.2	Đường liên thôn: Đường ĐT641-cầu sắt Tân Long				
-	Đường Tân Vinh-Tân Long: Đoạn từ ĐT641 (nhà văn hóa Bru điện) đến Cầu sắt Tân Long	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường Tân Phú-Tân Long: Đoạn từ ĐT641 (nhà bà Sen) đến cầu sắt Tân Long	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn đường từ Tân Long (Trường Mẫu giáo Tân Long) đến Tân Hòa (nhà ông Lân)	1,0	1,0	1,0	1,0
3.3	Đường ĐT641-Bầu Năng				
-	Đoạn từ cầu Tân Vinh đến nhà ông Đạo	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ nhà ông Đạo đến nhà ông Sửu	1,2	1,0	1,0	1,0
3.4	Đường giao thông nông thôn: Từ đường ĐT641 (cầu Chùa) đến cống ngầm	1,0	1,0	1,0	1,0
3.5	Khu dân cư mới thôn Tân Vinh	1,0	1,0	1,0	
3.6	Các đường, đoạn đường còn lại trong xã				
-	Khu vực 1	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
4	Xã Xuân Lãnh				
4.1	Đường ĐT641	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Km0 (Mục Thịnh) đến cống thoát nước (nhà ông Mang Thúi)	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn cống thoát nước (nhà ông Mang Thúi) đến cống thoát nước (nhà ông Bùi Xuân Triều)	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cống thoát nước (nhà ông Bùi Xuân Triều) đến cống Bảy Phẩm	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cống Bảy Phẩm đến Km7+000 (nhà máy Florit)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Km7+000 (nhà máy Florit) đến Km9+020 (giáp xã Xuân Long)	1,0	1,0	1,0	1,0
4.2	Đường ĐT 644				
-	Đoạn từ cột mốc địa giới hành chính Xuân Lãnh-Đa Lộc đến Km33+600 (cầu Soi Thầy)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Km33+600 (cầu Soi Thầy) đến Km34+450 (cầu Suối Kỳ)	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
-	Đoạn từ Km34+450 (cầu Suối Kỳ) đến giáp ĐT641	1,0	1,0	1,0	1,0
4.3	Đường liên thôn				
-	Đoạn từ ĐT641 đến chợ Mới (giáp nhà ông Nguyễn Sơn Tùng)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ chợ Mới (nhà ông Nguyễn Sơn Tùng) đến giáp đường ĐT644	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường ĐT644 đến cổng Trường Chu Văn An	1,0	1,0	1,0	1,0
4.4	Đường Lành vân-Làng đồng				
-	Đoạn đường sắt Bắc Nam đến ngã ba gò Mã Đông	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba gò Mã Đông đến giáp xã Phú Mỹ	1,0	1,0	1,0	1,0
4.5	Các đường, đoạn đường còn lại trong xã				
-	Khu vực 1	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
5	Xuân Sơn Bắc				
5.1	Đường ĐT642				
-	Đoạn từ Km8+000 đến Km10+380 (cầu Cây Sung)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Km10+380 (cầu Cây Sung) đến Km11+150 (nhà ông Đỗ Văn Năm)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Km11+150 (nhà ông Đỗ Văn Năm đến dốc Đèo (nhà ông Phan Văn Núi)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ dốc Đèo (nhà ông Phan Văn Núi) đến Km12+500 (giáp thị trấn La Hai)	1,1	1,0	1,0	1,0
5.2	Đường giao thông nông thôn				
-	Đoạn từ đường ĐT642 đến Chùa Đồng Tròn (nhà bà Lê Thị Sương)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ chùa Đồng Tròn (nhà bà Lê Thị Sương) đến đèo ông Tứ (nhà ông Võ Hữu Tâm)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đèo ông Tứ (nhà ông Võ Hữu Tâm) đến giáp Mỹ Long-An Dân-Tuy An	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ công văn hóa thôn Tân Bình đến xóm Gò (nhà ông Võ Hồng Sơn)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn đường đi qua khu dân cư xóm gò (đoạn từ nhà ông Phan Đình Ba đến nhà ông Đỗ Văn Tân)	1,0			

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
5.3	Các đường, đoạn đường còn lại trong xã				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
6	Xã Xuân Quang 3				
6.1	Đường ĐT642				
-	Đoạn từ Km18+000 (đèo Ngang-giáp thị trấn La Hai) đến cầu Ông Dương	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Ông Dương đến cầu Trần suối Ré	1,3	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Trần suối Ré đến cầu Trần suối Bà Sào (giáp xã Xuân Phước)	1,2	1,0	1,0	1,0
6.2	Đường Phước Lộc đến A20				
-	Đoạn từ ĐT642 đến kênh N2	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ kênh N2 đến giáp xã Xuân Phước (gộp đoạn từ kênh N2 đến cầu tràn Sông Con và đoạn từ cầu tràn Sông Con đến giáp xã Xuân Phước)	1,0	1,0	1,0	1,0
6.3	Đường liên xã Long Hà-Phước Lộc (từ nhà bà Trần Thị Thu Hiền đến giáp thị trấn La Hai)	1,0	1,0	1,0	1,0
6.4	Đường giao thông nông thôn				
-	Đoạn từ đường ĐT642 (nhà Tạ Thị Bê) đến nhà Hồ Thị Nhung	1,0			
-	Đoạn từ đường ĐT642 (nhà Mai Xuân Hùng) đến nhà Phạm Văn Tiến	1,0			
-	Đoạn từ đường ĐT642 (nhà Lý Thu Cường) đến nhà Trần Minh Trung	1,0			
-	Đoạn từ đường ĐT642 (nhà Huỳnh Thị Thông) đến suối Sâu	1,0			
-	Đoạn từ đường ĐT642 (nhà Trần Vũ Đại) đến giáp đường Phước Lộc-A20	1,0			
-	Đoạn từ đường ĐT642 (nhà Trần Văn Thọ) đến kênh N2	1,0			
-	Đoạn từ đường ĐT 642 (nhà Phan Văn Trương) đến kênh N2	1,0			
-	Đoạn từ đường ĐT642 (nhà Nguyễn Tri Phờng) đến kênh N2	1,0			
-	Đoạn từ đường ĐT642 (nhà Đỗ Nhơn) đến nhà Võ Thị Hương	1,0			
-	Đoạn từ đường ĐT642 (nhà Đỗ Văn Trinh) đến nhà ông Xu	1,0			

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
-	Đoạn từ đường Phước Lộc-A20 (nhà Nguyễn Thị Kinh Thái) đến nhà Võ Thị Yên	1,0			
-	Đoạn từ đường Phước Lộc-A20 (nhà Nguyễn Khánh Quốc) đến nhà Trần Việt Hùng	1,0			
6.5	Khu dân cư Thạnh Đức	1,0			
6.6	Các đường, đoạn đường còn lại trong xã				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
7	Xã Xuân Phước				
7.1	Đường ĐT642				
-	Đoạn từ suối Bà Sào (giáp xã Xuân Quang 3) đến Km28+000 (cầu tràn thôn Phú Hội-Xuân Phước)	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Km28+000 (Phú Hội) đến giáp xã Sơn Định-Sơn Hòa	1,0	1,0	1,0	1,0
7.2	Đường ĐT647				
-	Đoạn từ Km0+000 (ngã ba Phước Hòa đến Km2+550 (nhà ông Nguyễn Tấn Hiền)	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Km2+550 (nhà ông Nguyễn Tấn Hiền đến Km3+800 (trại A20)	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Km3+800 (trại A20) đến giáp xã Xuân Quang 1	1,0	1,0	1,0	1,0
7.3	Đường liên xã				
-	Đoạn từ ngã ba A20 đến địa phận xã Xuân Quang 3	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Phòng khám khu vực Xuân Phước giáp ngã tư Phú Hội	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Khu tập thể lâm trường cũ đến cầu Suối Tía	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đường Phú Xuân B-Đồng Bò: Từ cầu ông Tư đến cống Hồ chứa nước Phú Xuân	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ĐT642 đi Cai Thẳng (điểm cuối nhà ông Lê Văn Tiến)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường ĐT647 đi xóm Đồng Bé-Phú Xuân B Xuân Phước (bổ sung mới)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường ĐT642 đi cây xoài (nhà ông Nguyễn Thắng) (bổ sung mới)	1,0	1,0	1,0	1,0
7.4	Các đường, đoạn đường còn lại trong xã				
-	Khu vực 1	1,1	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
-	Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
8	Xã Xuân Quang 1				
8.1	Đường ĐT647				
-	Đoạn từ giáp xã Xuân Phước đến Cầu tràn dốc ông Thảo	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Cầu tràn dốc ông Thảo đến cầu tràn Suối Cối 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Cầu tràn Suối Cối 1 đến cầu ông Chung)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Km16+000 đến Km32+000 (đoạn từ ruộng ông Ma Chiên đến suối Tre ngôi làng Bà Đẩu)	1,0	1,0	1,0	1,0
8.2	Đường La Hai Đông Hội: Đoạn từ giáp xã Xuân Quang 2 đến hết đường La Hai-Đông Hội	1,0	1,0	1,0	1,0
8.3	Đường giao thông nông thôn				
-	Đoạn từ nhà ông Trần Văn Lâu đến nhà Trần Thị Cây	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Trường Mầm non xuân Quang 1 đến nhà ông Hồ Trọng Khanh	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ chợ Sỏi Cối 1 đến nhà ông Phan Thế Vinh	1,0	1,0	1,0	1,0
8.4	Khu dân cư thôn Suối Cối 2	1,0	1,0	1,0	1,0
8.5	Các đường, đoạn đường còn lại trong xã				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
9	Xã Đa Lộc				
9.1	Đường ĐT644				
-	Đoạn qua địa bàn thôn 3	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn qua địa bàn thôn 2, 4, 5	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn qua địa bàn thôn 1, 6	1,0	1,0	1,0	1,0
9.2	Đường giao thông nông thôn (BTCT)				
-	Các đường giao thông nông thôn thuộc thôn 2, 4, 5	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Các đường giao thông nông thôn thuộc thôn 3	1,0	1,0	1,0	1,0
9.3	Các đường, đoạn đường còn lại trong xã				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
10	Xã Phú Mỹ				
10.1	Đường ĐT647				
-	Đoạn từ suối Cà Ton đến suối La Hiêng	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ suối La Hiêng đến dốc Ruộng (cuối thôn Phú Tiến)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ suối Mò O đến sông Bà Đài	1,0	1,0	1,0	1,0
10.2	Đường liên thôn				
-	Đường nội thôn Phú Đồng	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường nội thôn Phú Hải	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường nội thôn Phú Lợi	1,0	1,0	1,0	1,0
10.3	Các đường, đoạn đường còn lại trong xã				
-	Khu vực 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0

(Kèm theo Quyết định số 08/2016/QĐ-UBND ngày 01/4/2016 của UBND tỉnh)

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
I	Thành phố Tuy Hòa				
1	Các phường thuộc thành phố	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Các xã thuộc thành phố	1,0	1,0	1,0	1,0
II	Thị xã Sông Cầu				
1	Vùng đồng bằng: Các xã, phường	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Vùng miền núi: xã Xuân Lâm				
2.1	Áp dụng cho các thửa đất tiếp giáp đường tuyến tránh Quốc lộ 1 (đoạn từ cầu Tam Giang mới đến cầu vượt)	1,0	1,0	1,0	1,0
2.2	Các thửa đất còn lại	1,0	1,0	1,0	1,0
III	Huyện Tuy An				
1	Xã Đồng Bằng: Các xã, thị trấn	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Xã Miền Núi: Các xã	1,0	1,0	1,0	1,0
IV	Huyện Phú Hòa				
1	Vùng đồng bằng: Các xã, thị trấn	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Vùng miền núi: Xã Hòa Hội	1,13	1,1	1,1	1,1
V	Huyện Đông Hòa				
1	Thị trấn Hòa Vinh	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Thị trấn Hòa Hiệp Trung	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Các xã trong huyện	1,0	1,0	1,0	1,0
VI	Huyện Tây Hòa				
1	Vùng đồng bằng: Thị trấn Phú Thứ và 6 xã (Hòa Tân Tây, Hòa Đông, Hòa Bình 1, Hòa Phú, Hòa Phong, Hòa Mỹ Đông)	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Vùng miền núi: 4 xã (Hòa Mỹ Tây, Hòa Thịnh, Sơn Thành Đông, Sơn Thành Tây)	1,0	1,0	1,0	1,0
VII	Huyện Sông Hinh (miền núi)				

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
1	Các xã Sơn Giang, Đức Bình Đông	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Các xã còn lại	1,0	1,0	1,0	1,0
VIII	Huyện Sơn Hòa (miền núi)				
1	Thị trấn Củng Sơn, xã Sơn Hà	1,1	1,0	1,0	1,0
2	Xã Krông Pa (khu vực trạm bơm điện Buôn Lé bơm tưới), xã Suối Trai (khu vực công tự chảy của Hồ thủy điện tưới)	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Các xã còn lại	1,0	1,0	1,0	1,0
IX	Huyện Đồng Xuân (miền núi)				
1	Thị trấn La Hai và các xã: Xuân Sơn Nam, Xuân Sơn Bắc, Xuân Quang 3, Xuân Phước	1,15	1,1	1,1	1,0
2	Các xã: Xuân Long, Xuân Lãnh, Đa Lộc, Xuân Quang 1, Xuân Quang 2, Phú Mỹ	1,1	1,1	1,0	1,0

UBND TỈNH PHÚ YÊN*Phụ lục 4***HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY HÀNG NĂM
(TRỪ ĐẤT TRỒNG LÚA NƯỚC 2 VỤ)***(Kèm theo Quyết định số 08/2016/QĐ-UBND ngày 01/4/2016 của UBND tỉnh)*

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
I	Thành phố Tuy Hòa				
1	Các phường thuộc thành phố	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Các xã thuộc thành phố	1,0	1,0	1,0	1,0
II	Thị xã Sông Cầu	1,0	1,0	1,0	1,0
1	Vùng đồng bằng: Các xã, phường	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Vùng miền núi: Xã Xuân Lâm				
2.1	Đường Phạm Văn Đồng (áp dụng cho các thửa đất tiếp giáp với đường Phạm Văn Đồng)	1,0			
	Áp dụng cho các thửa đất tiếp giáp đường tuyến tránh Quốc lộ 1 (Đoạn từ cầu Tam Giang mới đến cầu vượt)	1,0			
2.2	Các thửa đất còn lại	1,0	1,0	1,0	1,0
III	Huyện Tuy An				
1	Xã đồng bằng: Các xã, thị trấn	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Xã miền núi: Các xã	1,0	1,0	1,0	1,0
IV	Huyện Phú Hòa				
1	Vùng đồng bằng:				
a	Thị trấn, các xã (Hòa An, Hòa Thắng, Hòa Trị, Hòa Định Đông, Hòa Định Tây)	1,0	1,0	1,0	1,0
b	Xã Hòa Quang Nam, Hòa Quang Bắc	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Vùng miền núi: Xã Hòa Hội	1,13	1,1	1,1	1,1
V	Huyện Đông Hòa				
1	Thị trấn Hòa Vinh	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Thị trấn Hòa Hiệp Trung	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Các xã trong huyện	1,0	1,0	1,0	1,0
VI	Huyện Tây Hòa				
1	Vùng đồng bằng: Thị trấn Phú Thứ và 6 xã (Hòa Tân Tây, Hòa Đông, Hòa Bình 1, Hòa Phú, Hòa Phong, Hòa Mỹ Đông)	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
2	Vùng miền núi: 4 xã (Hòa Mỹ Tây, Hòa Thịnh, Sơn Thành Đông, Sơn Thành Tây)	1,1	1,0	1,0	1,0
VII	Huyện Sông Hinh (miền núi)				
1	Các xã Sơn Giang, Đức Bình Đông, Đức Bình Tây, Ea Bia, Ea Bar, xã Ea Ly và Thị trấn Hai Riêng	1,1	1,0	1,0	1,0
2	Các xã còn lại	1,1	1,0	1,0	1,0
VIII	Huyện Sơn Hòa (miền núi)				
	Các xã, thị trấn	1,1	1,0	1,0	1,0
IX	Huyện Đồng Xuân (miền núi)				
	Các xã, thị trấn	1,15	1,1	1,1	1,0

UBND TỈNH PHÚ YÊN**Phụ lục 5****HỆ SỐ GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY LÂU NĂM***(Kèm theo Quyết định số 08/2016/QĐ-UBND ngày 01/4/2016 của UBND tỉnh)*

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
I	Thành phố Tuy Hòa				
1	Các phường thuộc thành phố	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Các xã thuộc thành phố	1,0	1,0	1,0	1,0
II	Thị xã Sông Cầu				
1	Vùng đồng bằng: Các phường	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Vùng đồng bằng: Các xã				
2.1	Đoạn từ Bắc cầu Tam Giang mới đến giáp ngã ba Triều Sơn (áp dụng cho các thửa đất tiếp giáp với Quốc lộ 1A)	1,0			
2.2	Đường ĐT642 (đoạn từ ngã ba Triều Sơn đến giáp ngã ba trong; áp dụng cho các thửa đất tiếp giáp với đoạn đường)	1,0			
2.3	Các thửa đất còn lại	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Vùng miền núi: Xã Xuân Lâm				
3.1	Đường Phạm Văn Đồng (áp dụng cho các thửa đất tiếp giáp với đường Phạm Văn Đồng)	1,0			
	Áp dụng cho các thửa đất tiếp giáp với đường tuyến tránh Quốc lộ 1 (đoạn từ cầu Tam Giang mới đến cầu vượt)	1,0			
3.2	Các thửa đất còn lại	1,0	1,0	1,0	1,0
III	Huyện Tuy An				
1	Xã đồng bằng: Các xã, thị trấn	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Xã miền núi: Các xã	1,0	1,0	1,0	1,0
IV	Huyện Phú Hòa				
1	Vùng đồng bằng:				
a	Thị trấn, các xã (Hòa An, Hòa Thắng, Hòa Trị, Hòa Định Đông, Hòa Định Tây)	1,0	1,0	1,0	1,0
b	Xã Hòa Quang Nam, Hòa Quang Bắc	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Vùng miền núi: Xã Hòa Hội	1,1	1,0	1,0	1,0
V	Huyện Đông Hòa				
1	Thị trấn Hòa Vinh	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
2	Thị trấn Hòa Hiệp Trung	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Các xã trong huyện	1,0	1,0	1,0	1,0
VI	Huyện Tây Hòa				
1	Vùng đồng bằng: Thị trấn Phú Thứ và 6 xã (Hòa Tân Tây, Hòa Đồng, Hòa Bình 1, Hòa Phú, Hòa Phong, Hòa Mỹ Đông)	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Vùng miền núi: 4 xã (Hòa Mỹ Tây, Hòa Thịnh, Sơn Thành Đông, Sơn Thành Tây)	1,1	1,0	1,0	1,0
VII	Huyện Sông Hinh (miền núi)				
1	Các xã Ea Bar, Ea Ly, Sơn Giang, Đức Bình Đông, Đức Bình Tây, Ea Bia, Ea Trol và thị trấn Hai Riêng	1,1	1,0	1,0	1,0
2	Các xã còn lại	1,1	1,0	1,0	1,0
VIII	Huyện Sơn Hòa (miền núi)				
	Các xã, thị trấn	1,1	1,0	1,0	1,0
IX	Huyện Đồng Xuân (miền núi)				
	Các xã, thị trấn	1,15	1,1	1,1	1,0

UBND TỈNH PHÚ YÊN*Phụ lục 6***HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT***(Kèm theo Quyết định số 08/2016/QĐ-UBND ngày 01/4/2016 của UBND tỉnh)*

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
I	Thành phố Tuy Hòa				
1	Các phường thuộc thành phố	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Các xã thuộc thành phố	1,0	1,0	1,0	1,0
II	Thị xã Sông Cầu				
1	Vùng đồng bằng: Các xã, phường	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Vùng miền núi: Xã Xuân Lâm	1,0	1,0	1,0	1,0
III	Huyện Tuy An				
1	Xã đồng bằng: Các xã, thị trấn	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Xã miền núi: Các xã	1,0	1,0	1,0	1,0
IV	Huyện Phú Hòa				
1	Vùng đồng bằng: Các xã, thị trấn	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Vùng miền núi: Xã Hòa Hội	1,0	1,0	1,0	1,0
V	Huyện Đông Hòa				
1	Thị trấn Hòa Hiệp Trung	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Các xã trong huyện	1,0	1,0	1,0	1,0
VI	Huyện Tây Hòa				
1	Vùng đồng bằng: Thị trấn Phú Thứ và 6 xã (Hòa Tân Tây, Hòa Đồng, Hòa Bình 1, Hòa Phú, Hòa Phong, Hòa Mỹ Đông)	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Vùng miền núi: 4 xã (Hòa Mỹ Tây, Hòa Thịnh, Sơn Thành Đông, Sơn Thành Tây)	1,0	1,0	1,0	1,0
VII	Huyện Sông Hinh (miền núi)				
1	Các xã Sơn Giang, Đức Bình Đông, Đức Bình Tây, Ea Bia, và thị trấn Hai Riêng	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Các xã còn lại	1,0	1,0	1,0	1,0
VIII	Huyện Sơn Hòa (miền núi)				
	Các xã, thị trấn	1,0	1,0	1,0	1,0
IX	Huyện Đồng Xuân (miền núi)				
	Các xã, thị trấn	1,1	1,1	1,1	1,0

UBND TỈNH PHÚ YÊN*Phụ lục 7***HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN***(Kèm theo Quyết định số 08/2016/QĐ-UBND ngày 01/4/2016 của UBND tỉnh)*

STT	Tên đường, đoạn đường	VT1	VT2
1	Các phường thuộc thành phố	1,0	1,0
2	Các xã thuộc thành phố	1,0	1,0
II	Thị xã Sông Cầu		
	Vùng đồng bằng: Các xã, phường	1,0	1,0
III	Huyện Tuy An		
1	Xã đồng bằng: Các xã, thị trấn	1,0	1,0
IV	Huyện Phú Hòa		
1	Vùng đồng bằng: Các xã, thị trấn	1,0	1,0
2	Vùng miền núi: Xã Hòa Hội	1,0	1,0
V	Huyện Đông Hòa		
1	Thị trấn Hòa Hiệp Trung	1,0	1,0
2	Các xã trong huyện	1,0	1,0
VI	Huyện Tây Hòa		
1	Vùng đồng bằng: Thị trấn Phú Thứ và 6 xã (Hòa Tân Tây, Hòa Đồng, Hòa Bình 1, Hòa Phú, Hòa Phong, Hòa Mỹ Đông)	1,0	1,0
2	Vùng miền núi: 4 xã (Hòa Mỹ Tây, Hòa Thịnh, Sơn Thành Đông, Sơn Thành Tây)	1,0	1,0
VII	Huyện Sông Hinh (miền núi)		
	Các xã trên địa bàn huyện	1,0	1,0
VIII	Huyện Sơn Hòa (miền núi)		
	Các xã, thị trấn	1,0	1,0

UBND TỈNH PHÚ YÊN*Phụ lục 8***HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT LÀM MUỐI***(Kèm theo Quyết định số 08/2016/QĐ-UBND ngày 01/4/2016 của UBND tỉnh)*

STT	Đơn vị hành chính	Hệ số điều chỉnh giá đất	
		VT 1	VT 2
	Thị xã Sông Cầu		
	Vùng đồng bằng		
1	Xã Xuân Bình	1,0	1,0
2	Xã Xuân phương	1,0	1,0
3	Phường Xuân Yên	1,0	1,0
4	Xã Xuân Cảnh	1,0	1,0

UBND TỈNH PHÚ YÊN**Phụ lục 9****HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT CÁC ĐẢO***(Kèm theo Quyết định số 08/2016/QĐ-UBND ngày 01/4/2016 của UBND tỉnh)*

S T T	Tên đảo	Khu vực	Hệ số điều chỉnh giá đất					
			ODT	ONT	HNK	CLN	RSX	NTTS
1	Hòn Lau Dứa, xã An Phú	TP. Tuy Hòa		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Hòn Than, xã An Phú	TP. Tuy Hòa		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Hòn Yên, phường Xuân Đài	Tx Sông Cầu	1,0		1,0	1,0	1,0	1,0
4	Cù lao Ông Xá, phường Xuân Đài	Tx Sông Cầu	1,0		1,0	1,0	1,0	1,0
5	Nhất Tụ Sơn (hòn Còng), Phường Xuân Thành	Tx Sông Cầu	1,0		1,0	1,0	1,0	1,0
6	Hòn Một, xã Xuân Phương	Tx Sông Cầu		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
7	Hòn Chùa, An Chấn	H.Tuy An		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
8	Cù Lao Mái Nhà, An Hải	H.Tuy An		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
9	Đảo Hòn Nưa, xã Hòa Xuân Nam	H.Đông Hòa		1,2	1,2	1,2	1,2	1,2